

Chính sách khai thác tài nguyên của Trung Quốc

Đỗ Tuyết Khanh

Tóm tắt: Trước viễn tượng một số tài nguyên thiết yếu dần dần đi đến cạn kiệt và sự hao mòn của quỹ tài nguyên có hạn trên trái đất, việc làm chủ các nguồn cung ứng là nhu cầu bức bách của mọi nước. Đối với Trung Quốc, đây còn là điều kiện tiên quyết để duy trì đà phát triển kinh tế vượt bậc trong nhiều năm qua đã đưa một đất nước trì trệ, lạc hậu lên hàng cường quốc. Trong cuộc chạy đua tranh giành tài nguyên giữa các nước, Trung Quốc ngày càng lộ rõ mục tiêu thống trị của mình với một chính sách khai thác và chiếm đoạt phục vụ cho một chiến lược bành trướng toàn diện và toàn cầu. Bài này phân tích quá trình lịch sử và các biểu hiện của chiến lược ấy, đã làm nảy sinh những tranh chấp gay gắt và những quan ngại ngày càng đậm nét trong dư luận thế giới.

Từ khóa: Trung Quốc, Tài nguyên, châu Phi, Đông Nam Á.

© 2011 Thời Đại Mới

Sự phát triển kinh tế vượt bậc trong những thập niên gần đây đã biến Trung Quốc thành một cường quốc, kèm theo những thay đổi sâu sắc trong cục diện kinh tế và thương mại quốc tế. Tốc độ tăng trưởng liên tục cao ngay cả khi thế giới lâm vào khủng hoảng kinh tế và tài chính, số dân khổng lồ và nhu cầu về năng lượng và nguyên liệu cũng khổng lồ không kém của Trung Quốc là mối quan tâm thường xuyên được nêu lên trong báo chí và các bài nghiên cứu qua những cụm từ như "cơn sốt tài nguyên vì Trung Quốc", "Trung Quốc đói khát nguyên liệu". Sự quan ngại này càng đậm nét khi dư luận thế giới ngày càng nhận thức những vấn đề của môi trường, biến đổi khí hậu và sự hao mòn tài nguyên trên trái đất.

Đã từng được gán ghép tham vọng chính trị làm bá chủ thế giới, tranh giành quyền lực và ảnh hưởng với các siêu cường quốc như Mỹ, Trung Quốc bây giờ còn bị nhìn như một mối đe dọa về tài nguyên cho cả thế giới, vơ vét nguyên nhiên liệu khắp nơi, bất cần nhu cầu của các nước khác hướng chi nghĩ đến các thế hệ tương lai. Hình ảnh tham lam vô độ này càng tệ hơn khi, cùng lúc, Trung Quốc từ vài năm nay hạn chế

xuất khẩu một số nguyên liệu thiết yếu cho nhiều mặt hàng kỹ nghệ quan trọng làm tăng vọt giá trên thị trường quốc tế và gây ra nguy cơ khan hiếm. Từ đó dễ đặt ra câu hỏi: đây có phải là một chính sách có chủ ý, có bài bản, nằm trong đại chiến lược bành trướng của Trung Quốc để tiến đến vị trí siêu cường quốc?

Đầu tiên cần phải xác định Trung Quốc có đại chiến lược ấy không, và nếu có thì nội dung ra sao. Điều này khó có thể khẳng định dựa trên văn bản cụ thể vì Trung Quốc không hề công bố chính thức một chiến lược rõ ràng nào. Những kế hoạch 5 năm, 10 năm cho phát triển kinh tế chỉ phác hoạ những hướng lớn, liệt kê những tỷ lệ, con số phải đạt được cho các lĩnh vực này nọ. Những phát biểu về đường hướng lâu dài thường được gói ghém trong câu chữ chung chung, vô thưởng vô phạt, thậm chí trống rỗng, và những chân lý muôn thưở như hoà bình, ổn định, hợp tác, hữu nghị, v.v. Song, ở đất nước của Tôn Tử và Khổng Minh, với truyền thống lâu đời coi chiến lược và mưu mẹo là nghệ thuật cai trị, khó có thể nghĩ rằng những người lãnh đạo Trung Quốc, đằng sau các bức tường dày của Trung Nam Hải, không có cả một chiến lược tổng hợp kinh tế, ngoại giao và quân sự nhằm mục đích cuối cùng là khôi phục lại sự thống trị đã bị mất trong "thế kỷ nhục nhã", xoá đi "giai đoạn sai lầm của lịch sử" để lấy lại cái vị thế ưu việt tự coi là thiên định của mình.

1. Từ "giấu mình chờ thời" đến "đại chiến lược hoàn cầu"

Sách lược "giấu mình chờ thời", *thao quang dưỡng hối*, được Đặng Tiểu Bình đề ra sau khi Bức Tường Bá Linh sụp đổ, phe xã hội chủ nghĩa tan rã, cuối năm 1989, với khẩu hiệu "bình tĩnh quan sát, giữ vững trận địa, bình tĩnh ứng phó, giấu mình chờ thời" và "quyết không đi đầu", tức là không thay thế Liên Xô lãnh đạo cách mạng thế giới. Mục đích chính lúc ấy là vô hiệu hoá phái cực tả trong nước hung hăng chủ trương xuất khẩu cách mạng, hầu ngăn chặn sự phá rối của họ đối với chính sách cải cách mở cửa. Phương châm ấy được nhắc đi nhắc lại sau đó từ Giang Trạch Dân đến Hồ Cẩm Đào, đã giúp Trung Quốc yên ổn phát triển kinh tế, gia nhập cộng đồng quốc tế và nhanh chóng trở thành một siêu cường quốc thương mại. Điều ấy cũng giải thích tại sao Trung Quốc cho tới gần đây tương đối lặng lẽ ở WTO, để Brazil và Ấn Độ làm đầu tàu đại diện cho các nước đang lên trong vòng đàm phán Doha, mặc dầu các nước Tây phương thường xuyên yêu cầu Trung Quốc phải đứng ra đảm nhiệm vai trò và trách nhiệm tương xứng với sức mạnh của mình trong thương mại quốc tế.

Song từ vài năm gần đây, Trung Quốc đã gỡ bỏ cái bề ngoài nhũn nhặn ấy để lớn tiếng tỏ thái độ, không ngần ngại sỗ sàng và thô bạo: tại Hội nghị Liên Hiệp Quốc về biến đổi khí hậu tại Copenhagen tháng

12.2009, Trung Quốc đã bị nhiều nước tham dự, đặc biệt thủ tướng Bỉ Yves Leterme, ngoại trưởng Anh David Miliband và thủ tướng Nhật Yukio Hayatoma, đích danh qui trách nhiệm sự thất bại của hội nghị, vì cố chấp nhất định không chịu sự giám sát của một cơ quan quốc tế, trong khi là nước gây ô nhiễm không khí nhiều nhất thế giới, và trịch thượng khi Ôn Gia Bảo tẩy chay buổi họp thu hẹp của các nguyên thủ Mỹ, Đức, Pháp, Anh, Thụy Điển và chủ tịch Ủy ban Liên Hiệp châu Âu. Ở WTO, Trung Quốc cũng ra mặt cứng rắn, không nhân nhượng trong các đàm phán và liên tiếp khiếu nại lên Cơ quan giải quyết tranh chấp để trả đũa những lần bị kiện trước đây. Đe dọa trừng phạt công ty Mỹ vì Mỹ bán vũ khí cho Đài Loan, đe dọa Na Uy và Thụy Điển vì giải Nobel hoà bình trao cho Lưu Hiểu Ba, đe dọa những nước đón tiếp đức Đà Lai Lạt Ma, vu tội gián điệp và bắt bớ nhân viên công ty Anh-Úc Rio Tinto, và nhất là leo thang hiếu chiến ở Biển Đông, đối với các nhà quan sát, đây là những biểu hiện của một Trung Quốc hung hăng, ngạo mạn và tự đắc, không còn phải che giấu quyền uy và chiến lược bá chủ của mình.

Chiến lược ấy đầu tiên là tiếp tục phát triển, giữ vững mức tăng trưởng và đáp ứng nhu cầu của 1,3 tỷ người, điều kiện tiên quyết để duy trì trật tự xã hội và vĩnh cửu hoá quyền lực trong tay Đảng Cộng sản. Và điều kiện tiên quyết để tiếp tục đà phát triển là bảo đảm có được nguồn năng lượng và nguyên liệu dồi dào và dài hạn trong khi một số nguyên nhiên liệu, như dầu hoả, đã có viễn tượng cạn kiệt trong thời gian không xa lắm. Đối với Trung Quốc đây là quốc sách, trụ cột không những của hệ thống kinh tế mà còn của chính sách ngoại giao và quân sự. Có thể nói trong cuộc tranh giành ráo riết ấy, Trung Quốc có lợi điểm rõ ràng: trong các nước dân chủ, chính khách phải chiều cổ đến cử tri, dung hoà những đòi hỏi trái ngược của các nhóm lợi ích và nhóm áp lực khác nhau, các chính sách và biện pháp kinh tế chỉ nhắm vài ba năm, lắm khi vài tháng, cho đến hết nhiệm kỳ hay cuộc bầu cử sắp tới. Ở Trung Quốc, ngoài cái nhìn về thời gian vốn đã xa hơn trong văn hoá Á Đông, chính quyền không phải lo mất phiếu hay thất cử, dù có thay người đổi thế hệ vẫn chỉ là trong nội bộ Đảng và tiếp tục nắm hết mọi quyền lực. Lãnh đạo Trung Quốc do đó có thể ung dung tính toán lâu dài, đặt mốc cho cả hàng chục năm, kiên nhẫn thực hiện kế hoạch. Mặt khác, trong các nước dân chủ, chính quyền và quyền lực kinh tế tách rời, ít ra là trên nguyên tắc, và tuy có chi phối nhau nhưng cũng nhiều khi có mâu thuẫn khi lợi ích chính trị và lợi ích kinh tế đụng chạm nhau. Ở Trung Quốc, Đảng, Nhà nước và các đại công ty quốc doanh tuy ba mà một, tuy một mà ba, phục vụ lẫn nhau. Khi cần đánh bại đối thủ từ một nước tư bản để giành mua lại một công ty khoáng sản chẳng hạn, Chinalco hay Sinopec được chính phủ hậu thuẫn ra lệnh cho Exim Bank hỗ trợ. Với mức lãi rẻ gấp mấy lần mức lãi các công ty nước khác phải chịu khi vay vốn trên thị trường quốc tế, các công ty Trung Quốc có thể tung tiền ra trả giá vượt trội, không ai địch nổi. Năm 2006, chẳng hạn, để giật được hợp đồng khảo sát dầu hoả

ở Angola khởi tay công ty Ấn Độ ONGC đã trả 310 triệu USD, Sinopec trả hơn gấp đôi, cộng thêm 420 triệu USD vào giá của ONGC đưa ra.

2. Con khát tài nguyên

Để thấy vấn đề tài nguyên quan trọng như thế nào đối với Trung Quốc, chỉ cần nhìn các con số.

Với 2,252 tỷ tấn tương đương dầu hoả (tonne of oil equivalent, TOE¹) tiêu thụ trong năm 2009, Trung Quốc đã trở thành nước dùng nhiều năng lượng nhất thế giới, vượt 4% so với Mỹ (2,170 tỷ TOE), là nước chiếm hạng nhất suốt từ những năm 1900. Điều này đã được chờ đợi sẽ xảy ra nhưng đến sớm hơn cả dự báo là năm 2015. Tốc độ gia tăng quá là phi thường khi biết rằng cách đây chỉ 10 năm, tổng số lượng năng lượng tiêu thụ ở Trung Quốc chỉ bằng một nửa ở Mỹ. Song, Mỹ vẫn là nước tiêu thụ nhiều năng lượng nhất tính trên đầu người, mỗi người Mỹ tiêu dùng gấp năm lần một người Trung Quốc.

Trung Quốc cũng là nước tiêu thụ than lớn nhất, vẫn nhập thêm tuy có trữ lượng dồi dào trong nước: trong năm 2009, nhập khẩu than tăng vọt 212% so với 2008, với 125,8 triệu tấn, và theo dự báo sẽ còn tăng 30% lên 170 triệu tấn trong năm sau. Vì Trung Quốc chủ yếu dùng than để sản xuất điện nên đã qua mặt Mỹ từ năm 2007 thành nước thải nhiều oxit cacbon và khí nhà kính nhất với hơn 6 triệu tấn khí nhà kính một năm.

Tuy hãy còn thua xa Mỹ về tiêu thụ dầu hoả (Mỹ vô địch thế giới với trung bình 19 triệu thùng dầu/ngày trong năm 2009, và Trung Quốc hạng hai, với "chỉ" xấp xỉ 9,2 triệu thùng/ngày), nhưng theo các nhà phân tích, nhu cầu dầu hoả của Mỹ đã đạt cao điểm trong khi nhu cầu của Trung Quốc sẽ tiếp tục tăng thêm khoảng 900 000 thùng/ngày để đạt 30% tổng số lượng dầu tiêu thụ trên thế giới. Từ một nước xuất siêu Trung Quốc đã trở thành nhập siêu năm 1993, và là nước nhập dầu thứ ba trên thế giới, với 168,8 tỷ USD năm 2008. So với con số 4,8 triệu thùng/ngày năm 2000, nhu cầu của Trung Quốc đã tăng hơn gấp đôi trong vòng dưới 10 năm. Xu hướng này sẽ chỉ có thể tiếp tục. Để chỉ nêu lên hai yếu tố: theo dự báo, số xe hơi tại Trung Quốc sẽ tăng lên 140 triệu năm 2020, so với 25 triệu năm 2007. Và năm 2025, dân số sẽ tăng thêm 123 triệu người, nhu cầu dầu hoả sẽ vượt mức 14 triệu thùng/ngày, cộng thêm 7,2 triệu thùng/ngày vào con số nhập khẩu.

¹ Tương đương dầu hoả là đơn vị bao gồm tất cả các loại năng lượng đã tiêu thụ: dầu thô, điện hạt nhân, than, khí đốt và các nguồn năng lượng tái tạo như thủy điện.

Ngay từ bây giờ, cơn khát dầu của Trung Quốc cũng đã làm thay đổi địa chính trị của dầu hoả. Trong năm 2009, xuất khẩu của Saudi Arabia sang Trung Quốc tăng gần gấp đôi so với năm trước, vượt qua xuất khẩu sang Mỹ. Saudi Arabia bây giờ cung cấp một phần tư lượng dầu nhập vào Trung Quốc. Theo Khalid A. al-Falih, Tổng giám đốc đại công ty Saudi Aramco, đây là một bước chuyển tiếp về lâu dài. Trả lời phỏng vấn, tháng 3.2010, ông nói "*Cứ nhìn vào dân số và các xu hướng kinh tế thì rõ. Đó là điều hiển nhiên. Trung Quốc là thị trường phát triển của dầu hoả*". Trước đó, Saudi Aramco đã khánh thành một khu lọc dầu lớn trong tỉnh Phúc Kiến, tiếp nhận 300 000 thùng dầu thô/ngày từ Saudi Arabia, và dự tính thành lập một nhà máy thứ nhì tại thành phố Thanh Đảo.

Là "phân xưởng của thế giới", Trung Quốc cũng cần đủ mọi loại nguyên liệu, đặc biệt là khoáng sản, để cung cấp các kỹ nghệ nặng cũng như các công nghiệp chế biến. Quặng sắt, đồng, chì, kẽm, coban, mangan, bô xít, cái gì Trung Quốc cũng xài hết, và xài rất nhiều. Trung Quốc chiếm hạng nhất về nhập khẩu quặng sắt, mangan, chì và chromium, với thị phần từ 32% đến 56% từ năm 2004. Với 19% nhập khẩu đồng trên thế giới năm 2004 (24% nếu tính cả đồng vụn và phế liệu), Trung Quốc đứng hạng hai sau Nhật. Sự phát triển ồ ạt của các kỹ nghệ xây dựng, đồ gỗ và giấy khiến một phần tư nhập khẩu gỗ của thế giới là của Trung Quốc, đứng hạng nhất. Theo báo cáo 2010 của Tổ chức Thương mại Thế giới WTO, Trung Quốc đứng hạng ba trên thế giới cho nhập khẩu tất cả các nguyên nhiên liệu nói chung, với 330,3 tỷ USD và thị phần 8,6% năm 2008. Riêng về khoáng sản, Trung Quốc chiếm hạng nhất cho nhập khẩu với 138,1 tỷ USD và gần 20% thị phần thế giới, và hạng 8 cho xuất khẩu với 23,5 tỷ USD và thị phần 3,5%. Như thế số lượng khoáng sản Trung Quốc mua ở nước khác cao hơn gần gấp 6 lần số lượng bán cho thế giới, trong khi Trung Quốc là nước giàu tài nguyên. Nếu chỉ nhìn đơn giản sự so sánh này, có thể hiểu tại sao Trung Quốc bị nghi ngờ có chính sách một mặt vơ vét nguyên nhiên liệu ở mọi nơi, một mặt giữ rịt lấy tài nguyên của mình để thống lĩnh thị trường, nhất là cho những nguyên vật liệu sắp cạn kiệt hay hiếm, quý và/hoặc thiết yếu cho những mặt hàng quan trọng. Quan điểm ấy tiềm tàng trong một số lập luận đưa ra chung quanh vụ kiện trước WTO giữa Mỹ, Mexico và Liên Hiệp châu Âu phản đối những biện pháp giới hạn xuất khẩu một số nguyên liệu thô của Trung Quốc, sẽ phân tích chi tiết hơn trong một phần sau.

3. Chiến lược làm chủ nguồn cung ứng nguyên liệu

Những thống kê trên cho thấy vai trò quan trọng của Trung Quốc trên các thị trường nguyên liệu nhưng gây chú ý hơn cả đối với công chúng là những nỗ lực, thành công hay không, của Trung Quốc để mua

lại các công ty khai thác nguyên liệu lớn trên thế giới hay tham gia vào vốn cổ phần của họ, thường gây ra những phản ứng bảo hộ, đề phòng an ninh quốc gia và ngò vục đối với hàm ý của Trung Quốc. Các giao dịch thất bại của Chinalco với công ty Rio Tinto (Anh-Úc) tháng 6. 2009 và của Sinochem với công ty Potash (Canada) tháng 10.2010 là hai thí dụ.

Trung Quốc coi việc đảm bảo cung cấp năng lượng và nguyên liệu là vấn đề an ninh quốc gia, và nỗ lực tìm cách đa dạng hoá các nguồn cung ứng: Trung Quốc hiện nay mua dầu hoá của 30 nước, tuy những nguồn chính vẫn là Saudi Arabia, Iran, Oman, Angola và Nga. Mặt khác, để tránh sức ép của giá thị trường, chiến lược của Trung Quốc là đến ngay tận gốc, làm chủ hay ít nhất chi phối nguồn cung ứng bằng cách tham gia trực tiếp ở thượng nguồn. Với hậu thuẫn của chính quyền, các công ty Trung Quốc tích cực mua cổ phần các công ty khoáng sản, cho các nhà đầu tư dầu và khoáng sản vay vốn, và ký kết hợp đồng mua dài hạn. Những hoạt động này làm e ngại Trung Quốc có thể khoá các nguồn tài nguyên, giành cho mình những điều kiện tiêu thụ ưu đãi và nói rộng sự khống chế lên các kỹ nghệ hầm mỏ. Song, theo một nhà phân tích, Theodore Moran (2010), trừ trường hợp đất hiếm, đa số các hình thức thu mua tài nguyên của Trung Quốc góp phần mở rộng, đa dạng hoá các nguồn cung ứng và làm tăng sự cạnh tranh. Moran phân biệt các nhà sản xuất chính (*major producer*) có tầm cỡ và sức mạnh cho phép họ ấn định giá thị trường (*price-maker*), và các nhà sản xuất độc lập (*independent producer*) phải theo giá (*price-taker*). Theo định nghĩa ấy, ông phân tích 16 giao dịch lớn thu mua tài nguyên của Trung Quốc dựa trên 4 mô hình chiến lược thu mua như sau:

Mô hình 1: Quan hệ đặc biệt với một nhà sản xuất chính	
<p>Người mua (và/hoặc chính quyền nước họ) đầu tư vốn cổ phần để lập quan hệ đặc biệt với một nhà sản xuất chính nhằm mua một phần sản lượng theo những điều kiện tương đương với điều kiện dành cho các đồng sở hữu chủ khác</p>	<p>Sinopec và CNOOC mua 2/3 lợi ích 30% của công ty Mỹ Marathon Oil Corporation để khai thác dầu ở Angola, 2004 –09.</p> <p>Tháng 1.2006, CNOOC mua 45% lợi ích trên mỏ dầu Akpo, Nigeria. Từ 2009, CNOOC được cung cấp mỗi năm 35% sản lượng dầu của mỏ, tức 79 000 thùng/ngày.</p>

<p>Mô hình 2: Quan hệ đặc biệt với một nhà sản xuất độc lập</p>	
<p>Người mua (và/hoặc chính quyền nước họ) đầu tư vốn cổ phần để lập quan hệ đặc biệt với một nhà sản xuất độc lập, cũng nhằm mua một phần sản lượng theo những điều kiện tương đương với điều kiện dành cho các đồng sở hữu chủ khác</p>	<p>Tháng 12.1996, CNPC tham gia thành lập công ty GNPOC ở Sudan với 40% vốn.</p> <p>Tháng 10.2001, CNPC và Sinopec hùn vốn với Petronas của Mã Lai và 2 công ty khác thành lập Petrodar Operating Company ở Sudan, với 41% cho CNPC và 6% cho Sinopec.</p> <p>Tháng 10.2002, CNOOC mua 5,3% lợi ích trong consortium North West Shelf Venture của Úc. CNOOC được cung cấp 3,3 triệu tấn khí lỏng trong 25 năm.</p> <p>CNOOC đề nghị trả 18,5 tỷ USD để mua lại công ty Mỹ Unocal, 2005 (thất bại)</p> <p>Tháng 8.2005, CNPC đề nghị trả 4,18 tỷ USD để mua lại PetroKazakhstan. Từ năm 2006, Kazakhstan là một trong những nguồn nhập dầu chính của Trung Quốc</p> <p>Chalco và dự án bô xít ở Aurukun, Queensland, Úc, 2007 (đình hoãn tháng 7.2011)</p> <p>Tháng 12.2007, Sinopec đầu tư 2 tỷ USD mua 51% vốn để khai thác mỏ dầu Yadaravan ở Iran. Iran là nguồn nhập dầu thứ ba của Trung Quốc, sau Saudi Arabia và Sudan.</p> <p>Tháng 4.2008, hai công ty Trung Quốc China Railway Engineering Company (CREC) và Sinohydro thành lập liên doanh Socomin tại Cộng hòa dân chủ Congo (Congo- Brazzaville để khai thác đồng, coban và kền. Socomin sẽ cung cấp ít nhất 10 triệu tấn đồng cho Trung Quốc.</p>

	<p>Chinalco và Rio Tinto, 2008-09 (thất bại). Tháng 2.2008, Chinalco đã bỏ 15,5 tỷ USD để mua 12% cổ phần của Rio Tinto. Tháng 2.2009, hai bên thông báo Chinalco sẽ đầu tư thêm 19,5 tỷ USD để nâng phần mình lên 18%. Tháng 5.2009, Rio Tinto tuyên bố hủy bỏ thỏa thuận với Chinalco và thành lập một liên doanh 50-50 với BHP Billiton, phần 12% của Chinalco bị lỗ, mất quyền phủ quyết</p> <p>Tháng 8.2009, Sinopec mua lại công ty Addax Petroleum của Canada với giá 7,2 tỷ USD. Addax khai thác các mỏ dầu ở châu Phi và Trung Đông, sản xuất 136 500 thùng dầu/ngày, tức khoảng 1,7% nhu cầu của Trung Quốc.</p> <p>Tháng 6.2009, CNPC ký hợp đồng 4,7 tỷ USD với công ty National Iranian Oil Company để khai thác mỏ khí đốt Nam Pars, Iran.</p> <p>Tháng 9. 2009, CNPC mua 70% lợi ích trên mỏ khí đốt Nam Azadegan, Iran, sau khi đã trả 1,76 tỷ USD để khai thác mỏ Bắc Azadegan.</p>
<p>Mô hình 3: Cho một nhà sản xuất chính vay vốn, trả lại bằng sản phẩm</p>	

<p>Người mua (và/hoặc chính quyền nước họ) cho một nhà sản xuất chính vay vốn, trả lại trong khuôn khổ hợp đồng mua.</p>	<p>Tháng 2.2009, China Development Bank cho hai công ty Rosneft và Transneft, Nga, vay 25 tỷ USD trên 20 năm. Đổi lại Transneft xây dựng và quản lý ống dẫn dầu dài 4 857 cây số từ Skovorodino (Đông Siberia) đến thành phố Đại Khánh, tỉnh Hắc Long Giang sát biên giới Bắc của Trung Quốc. Theo hợp đồng, Nga sẽ cung cấp Trung Quốc 15 triệu tấn dầu (300 000 thùng/ngày) mỗi năm trong 20 năm.</p>
<p>Mô hình 4: Cho một nhà sản xuất độc lập vay vốn, trả lại bằng sản phẩm</p>	
<p>Người mua (và/hoặc chính quyền nước họ) cho một nhà sản xuất độc lập vay vốn, trả lại trong khuôn khổ hợp đồng mua.</p>	<p>Tháng 5.2009, công ty dầu Petrobras của Brazil thông báo được China Development Bank cho vay 10 tỷ USD trên 10 năm. Đổi lại, Petrobras cung cấp cho Sinopec 150 000 thùng dầu/ngày năm đầu tiên và 200 000 thùng/ ngày trong 9 năm kế tiếp.</p>

Chú thích:

Chalco/Chinalco = Aluminium Corporation of China

CNOOC = China National Offshore Oil Corporation

CNPC = China National Petroleum Corporation

GNPOC = Greater Nile Petroleum Operating Company

Sinopec = China Petroleum and Chemical Corporation

Unocal = Union Oil Company of California

Nguồn: theo Theodore Moran (2010).

Đây là những đại công ty quốc doanh. CNPC là công ty sản xuất dầu và khí đốt lớn nhất Trung Quốc, chuyên về khai thác mỏ dầu và dịch vụ kỹ thuật, hoạt động trong 29 nước. CNOOC là công ty sản xuất dầu

và khí đốt ngoài khơi lớn nhất Trung Quốc, có trụ sở tại Hồng Kông và được định thị giá trên các thị trường chứng khoán New York và Hồng Kông. Chinalco là công ty đa khoáng sản lớn nhất Trung Quốc, với những dự án lớn ở Peru, Úc, và Saudi Arabia, và những dự án triển khai ở Nga, Việt Nam, Mông Cổ, Guinea, Myanmar, Indonesia và Ấn Độ.

4. Từ « dẫn tiến lai » đến « tẩu xuất xứ »

Chiến lược sáp nhập và mua lại (*merger and acquisition, M&A*) của Trung Quốc đã thay đổi nhanh chóng trong 10 năm qua. Trong những năm 1990, Trung Quốc khuyến khích công ty nước ngoài đầu tư trực tiếp và chuyển giao công nghệ để đổi lại được thâm nhập thị trường, và chỉ có các công ty quốc doanh mới được đầu tư ra ngoài và mua một vài cổ phần nhỏ của những công ty năng lượng và tài nguyên nước khác. Còn lại thì Trung Quốc áp dụng chính sách « dẫn tiến lai » (*yingjin lai*), tức là kéo công ty nước ngoài vào thành lập liên doanh, hùn hạp vốn và ký hợp đồng chuyển nhượng kỹ thuật. Tháng 10.2000, Trung Quốc thay đổi chiến thuật, một phần vì thấy các công ty trong nước sẽ mãi mãi là thứ yếu nếu cứ lệ thuộc vào chuyển giao kỹ thuật từ các công ty đa quốc gia. Trong 3 năm sau đó, Trung Quốc huỷ bỏ một số rào cản đầu tư ra ngoài, và cuối năm 2004, thủ tướng Ôn Gia Bảo long trọng tuyên bố “*Chính quyền khuyến khích các công ty đi ra ngoài thế giới*”. Tẩu xuất xứ, *zou chuqu*, trở thành phương châm mở đầu cho một cuộc chạy đua khắp các lục địa. Con số các giao dịch đầu tư vốn ở nước ngoài của các công ty Trung Quốc tăng rất nhanh: từ 40 năm 2003 lên đến 82 năm 2006 rồi 298 năm 2008. Trị giá của các giao dịch cũng tăng vọt từ đó để đạt những con số hàng tỷ đô la như đã thấy. Ngoài 16 trường hợp đã kể trên, còn có vô số những giao dịch khác, đủ tầm cỡ, ở mọi nơi, cho đủ loại nguyên liệu. Rút kinh nghiệm những trường hợp vấp ngã, thất bại của các hoạt động M&A trong các lĩnh vực khác như kỹ nghệ xe hơi, hàng điện tử, Trung Quốc chuyển trọng tâm sang năng lượng và nguyên liệu, hiện chiếm hơn 70% các giao dịch đầu tư vốn ra bên ngoài, tạo nên một mạng lưới cung cấp toả ra khắp nơi. Để có cái nhìn tổng quát về chiến lược toàn cầu và toàn diện này, phải đi nhanh một vòng quanh thế giới, tuy trong phạm vi bài này chỉ có thể nêu lên vài nét chính và trường hợp tiêu biểu.

Châu Phi

Ngoài các giao dịch kinh tế và tài chính nói trên, chiến lược tài nguyên của Trung Quốc cũng đi liền với chính sách ngoại giao và quan hệ chính trị, đặc biệt thông qua các chương trình viện trợ. Về mặt này, châu Phi là địa bàn lâu đời nhất và vẫn quan trọng nhất hiện nay.

Những tiếp xúc đầu tiên giữa Trung Quốc và châu Phi đã có từ nhiều thế kỷ trước nhưng mối bang giao thật sự được thiết lập sau khi Đảng Cộng sản lên nắm chính quyền, Mao Trạch Đông đóng vai lãnh đạo thế giới thứ ba, ủng hộ những cuộc kháng chiến chống thực dân và tài trợ những chế độ mệnh danh là xã hội chủ nghĩa ở Phi Châu.² Điểm son của viện trợ này là đường xe lửa Tanzania-Zambia Railway (TAZARA), nối cảng Dar-es-Salaam của Tanzania với Lusaka, thủ đô Zambia, và các mỏ đồng và coban của tỉnh Copperbelt. Đường TAZARA được khởi công xây năm 1970 và hoàn thành 4 năm sau. Trung Quốc đưa sang 13 500 công nhân và cho vay không lấy lãi 412 triệu USD, một số tiền kỷ lục thời ấy. Quan hệ giữa Trung Quốc và châu Phi được tăng cường hẳn lên từ cuối thập niên 1980 khi vấn đề tài nguyên ngày càng quan trọng với Trung Quốc. Sau Đặng Tiểu Bình và Giang Trạch Dân, các lãnh đạo đương thời tiếp tục củng cố vai trò của Trung Quốc ở châu Phi. Chỉ vài năm sau khi lên nắm chính quyền, từ 2003 đến 2006, Hồ Cẩm Đào và Ôn Gia Bảo đã đến thăm 15 nước Phi châu, đón tiếp 30 nguyên thủ châu Phi đến thăm chính thức Trung Quốc. Các cơ quan ngoại giao và hợp tác được tăng cường, trong nhiều nước, đại sứ quán Trung Quốc chiếm địa vị trung tâm, lấn át các đại sứ quán khác về quan hệ với chính quyền và doanh nhân địa phương. Bộ ngoại giao Trung Quốc lập bộ phận thảo luận thường trực với 24 nước châu Phi. Bang giao được thắt chặt không chỉ ở mức trung ương mà còn giữa địa phương. Chỉ trong năm 2006, riêng Nam Phi chẳng hạn, đã đón tiếp các phái đoàn của các tỉnh Quảng Đông, Hà Bắc, Thái Châu, Thiểm Tây, Sơn Đông và Chiết Giang.

Sự giàu có về tài nguyên của châu Phi chỉ có thể làm Trung Quốc hoa mắt và quyết tâm cột chặt lục địa ấy trong quỹ đạo của mình. Nam Phi chẳng hạn có 33% trữ lượng chromium của thế giới, 77% trữ lượng mangan và 88% trữ lượng các kim loại nhóm platin. Trữ lượng coban của Zambia và Congo-Brazzaville cộng lại là 52% của cả thế giới. Không kể đến các mỏ dầu của Angola, Nigéria, Sudan, Gabon, v.v. Diễn đàn hợp tác Trung-Phi (*Forum on China - Africa Cooperation - FOCAC*), thành lập năm 2000, là một trong những cơ cấu nhằm liên kết chặt chẽ châu Phi với Trung Quốc. Song, đây không phải là một diễn đàn đa phương mà là cái khung cho những cuộc gặp gỡ song phương giữa các viên chức và doanh nhân của Trung Quốc và từng nước châu Phi, theo truyền thống quan hệ tay đôi lấy thịt đè người của Trung Quốc. Theo một nhà phân tích « *FOCAC* hiển nhiên là một trường hợp đa phương đơn phương, một công cụ độc hữu cho phép Trung Quốc bành

² Về lịch sử của quan hệ giữa Trung Quốc và châu Phi và diễn tiến cho đến những năm gần đây, xem thêm Đỗ Tuyết Khanh (2007), *Quan hệ hợp tác cạnh tranh giữa Trung Quốc và Ấn Độ trong thế giới đa cực*, *Thời Đại Mới* số 12, tháng 11.2007, http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai12/200712_DTKhanh.htm

trường ảnh hưởng của mình qua ngoại giao, thương mại và sức mạnh mềm»³.

Trung Quốc tuy nhiên cũng không bỏ qua các diễn đàn đa phương như các tổ chức African Union (AU), Common Market for Eastern and Southern Africa (Comesa), Economic Community of West African States (Ecowas) và Southern Africa Development Community (SADC). Trung Quốc có mặt trong hội đồng quản trị các ngân hàng phát triển như African Development Bank (AfDB), từ năm 2003, và West African Development Bank (WADB), từ năm 2004. Tháng 6.2008, China Development Bank cũng mở cho East African Development Bank (EADB) một hạn mức tín dụng (*line of credit*) 30 triệu USD. Một điều đáng để ý: thông báo của EADB ghi rõ là để được vay trên hạn mức tín dụng này, các dự án phải dùng ít nhất 50% hàng hoá hay dịch vụ Trung Quốc. Điều khoản này vi phạm nguyên tắc của các tổ chức quốc tế như OECD và UNCTAD là phải tránh các hình thức viện trợ ràng buộc (*tyed aid*) và phủ nhận chính sách « vô điều kiện » (*no-string policy*) Trung Quốc vẫn rêu rao dưới chiêu bài không can thiệp vào nội bộ và tôn trọng chủ quyền nước khác. Đó là chưa kể một điều kiện bất di bất dịch khác: để được Trung Quốc mở hầu bao, phải cắt đứt liên hệ ngoại giao với Đài Loan và ủng hộ Trung Quốc mỗi khi có bầu bán ở Liên Hiệp Quốc trên một nghị quyết bất lợi cho Trung Quốc về Tây Tạng, Tân Cương hay nhân quyền. Chính sách kết hợp ngoại giao và quyền lợi kinh tế này thể hiện rõ nhất trong trường hợp Iran và Sudan: anh bán dầu cho tôi thì tôi dùng quyền phủ quyết của tôi ở Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc để bảo vệ anh. Đạo đức chỉ là cái gì rất tương đối, co giãn theo người đối thoại: khi gặp gỡ các chính khách phương Tây, Trung Quốc thường cố gắng thuyết phục họ là mình đã tiến bộ lắm rồi về mặt dân chủ, nhưng khi nói chuyện với những nhà độc tài, những chế độ thối nát ở châu Phi, Trung Quốc lại hô hào phương Tây thôi đừng cứ lải nhải nữa về mấy cái dân chủ, nhân quyền, quản lý tốt (*good governance*).

Châu Mỹ La Tinh

Mỹ vốn coi Châu Mỹ La tinh như “sân chơi” riêng của mình và ngăn chặn mọi mưu toan ảnh hưởng chính trị từ nơi khác lên vùng này. Thí dụ điển hình là phản ứng mãnh liệt của Mỹ cương quyết không để Liên Xô đặt giàn phóng tên lửa ở Cuba năm 1962, dù làm bùng nổ một cuộc khủng hoảng có nguy cơ biến chiến tranh lạnh thời ấy thành thế chiến. Song, sau biến cố 11.9.2001, Mỹ chuyển trọng tâm sang Afghanistan và Iraq, dần dần lơ là cái vẫn coi là vùng ảnh hưởng tự nhiên của mình. Cơ hội béo bở cho Trung Quốc tiến sâu hơn vào lục địa đầy ắp những nguyên nhiên liệu hết sức hấp dẫn ấy. Cũng như ở châu

³ *Holslag, J., Geeraerts, G., Gorus, J., & Smis, S. (2007)*

Phi, chiến lược của Trung Quốc thông qua hoạt động ngoại giao ở mức cao nhất. Phải hai năm sau khi nhậm chức, tổng thống Mỹ Barack Obama mới đến châu Mỹ La Tinh, thăm Brazil, Chile và El Salvador tháng 3 năm nay. Vào cùng thời điểm của nhiệm kỳ ông ta, tháng 11/2004, chủ tịch Hồ Cẩm Đào đã đi thăm bốn nước châu Mỹ La Tinh, kể cả Brazil, ký kết 39 hiệp ước song phương và tuyên bố sẽ đầu tư 100 tỷ USD trên 10 năm trong vùng. Trước đó, năm 1990, chỉ một năm sau vụ thám sát Thiên An Môn, chủ tịch Dương Thượng Côn đã đi thăm 5 nước châu Mỹ La Tinh, mở đầu cho hàng loạt cuộc viếng thăm ở cấp cao, đáng kể nhất là các chuyến đi của Giang Trạch Dân năm 2001 tại Brazil, Argentina và Venezuela, và Lý Bằng cuối năm 2001.

Trong chuyến đi tháng 11. 2004, Hồ Cẩm Đào cũng đặt ra mục tiêu 100 tỷ USD năm 2010 cho kim ngạch thương mại hai chiều Trung Quốc - châu Mỹ La Tinh. Con số ấy đã được vượt qua ba năm trước thời hạn, ngay từ năm 2007, với tỷ lệ gia tăng 50% so với năm trước. Năm 2008, thương mại của Trung Quốc trong vùng đã đạt 140 tỷ USD, tuy còn rất khiêm tốn so với con số 560 tỷ USD của thương mại giữa Mỹ và châu Mỹ La Tinh, nhưng so với chỉ 13 tỷ năm 2000 thì quả là phi thường vì đã tăng hơn gấp 10 trong vòng 8 năm. Tốc độ gia tăng mãnh liệt ấy cũng cho thấy Trung Quốc đang rút nhanh khoảng cách để dần dà bắt kịp Mỹ.

Có thể điểm sơ qua vài giao dịch chính của Trung Quốc ở châu Mỹ La Tinh như sau.

Brazil

Nước lớn nhất châu Mỹ La Tinh, thành viên của nhóm các nước đang lên BRIC, và cũng là nước có quan hệ nhiều nhất với Trung Quốc. Năm 2009, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Brazil, lần đầu tiên qua mặt Mỹ. Tổng thống Brazil lúc đó, Luiz Inacio Lula da Silva và Hồ Cẩm Đào ký thoả thuận qua đó China Development Bank và Sinopec cho Petrobras vay 10 tỷ USD đổi lại 200 000 thùng thô/ngày trong 10 năm. Chỉ một khoản vay này của Trung Quốc cũng đã gần bằng tổng số tất cả các tín dụng của Ngân hàng IADB (Inter-American Development Bank) cho vay năm 2008. Brazil, nước xuất khẩu quặng sắt số một thế giới, là nguồn cung cấp thứ ba của Trung Quốc.

Venezuela

Năm 2007, Venezuela đồng ý thành lập một quỹ đầu tư chung cho các dự án hạ tầng trong nước và xây nhà máy lọc dầu tại Trung Quốc. Tháng 9. 2009, Venezuela ký hợp đồng đầu tư 16 tỷ USD với CNPC để khảo sát dầu trong khu vực sông Orinoco hầu tăng xuất khẩu dầu sang Trung Quốc lên 300 000 thùng/ngày. CNPC cũng đã đầu tư 300 triệu USD để dùng dầu Orimulsion trong các nhà máy điện. Đi thăm Trung Quốc năm 2004, tổng thống Chavez tuyên bố chuyển xuất khẩu sang Trung Quốc là biện pháp giảm lệ thuộc đối với Mỹ.

Argentina

Năm 2003, CNPC đầu tư vốn vào công ty dầu và khí đốt Pluspetrol. Tháng 9. 2009, CNP trả ít nhất 17 triệu USD để mua lại 84% vốn của YPF, công ty dầu lớn nhất Argentina.

Colombia

Trung Quốc dự tính xây một đường xe lửa dài 220 km từ thành phố Cartagena đến bờ biển Thái Bình Dương để cạnh tranh với kênh Panama, cho phép Trung Quốc xuất hàng hoá sang châu Mỹ La Tinh và nhập nguyên liệu dễ dàng hơn. Trung Quốc hiện là bạn hàng thứ nhì của Argentina sau Mỹ, thương mại song phương tăng từ 10 triệu USD năm 1980 lên hơn 5 tỷ USD năm 2010.

Panama

Quan tâm của Trung Quốc ở đây không phải là tài nguyên mà là vị trí hết sức chiến lược của Kênh Panama. Công ty Hutchinson-Whampoa của tỷ phú Lý Gia Thành (*Li Ka-shing*), người có quan hệ mật thiết với chính quyền, quân đội, và cơ quan tình báo Trung Quốc ở cấp cao nhất, thông qua các công ty con Panama Ports Company (PPC) và Hutchison Port Holdings (HPH), có cảng ở hai đầu Kênh, Balboa ở phía Thái Bình Dương, và Cristobal phía Đại Tây Dương. Trấn giữ hai nơi này cho phép Trung Quốc theo dõi mọi lưu thông, quân sự hay thương mại, ở địa điểm then chốt này.

Và tất nhiên Trung Quốc còn mua và khai thác dầu và kền ở Cuba, đồng ở Chile, dầu ở Ecuador, đồng, quặng sắt và than ở Peru, dầu, khí đốt và quặng sắt ở Bolivia, v.v.

Châu Á

Trong khuôn khổ bài này xin khoanh lại ở đây vào Việt Nam và hai nước gần nhất, Myanmar và Lào.

Myanmar

Giáp biên giới Trung Quốc trên 2 000 km, Myanmar có một cộng đồng di dân Trung Quốc đông đảo và lâu đời ở phía Bắc, nhưng sự thâm nhập kinh tế của Trung Quốc gần đây hơn và tăng nhanh, đặc biệt trong lãnh vực nhiên liệu. Myanmar có trữ lượng ước tính 3,2 tỷ thùng dầu và 2 480 triệu mét khối khí đốt. Tháng 1.2007, Trung Quốc ký với Bộ năng lượng của Myanmar thoả thuận khảo sát dầu và khí đốt trên diện tích 10 000 km vuông ở ngoài khơi bờ biển phía Đông của Myanmar. Công ty CNPC đã khởi công xây dựng một ống dẫn dầu dài 2 300 km để chở dầu nhập từ Phi châu và Trung Đông, với dung lượng 400 000 thùng/ngày, từ cảng Sittwe đến hai thành phố Côn minh, thủ đô tỉnh Vân Nam, và Trùng Khánh. CNPC cũng dự trù xây một ống dẫn khí đốt dài 1 400 km giữa

đảo Ramree và Côn Minh để chuyển tải 170 tỷ mét khối khí đốt trong 30 năm. Trong khuôn khổ chiến lược « chuỗi ngọc trai », Trung Quốc cũng đặt một trạm theo dõi thông tin tại quần đảo Coco để kiểm soát Ấn Độ Dương, một vùng then chốt của các tuyến hàng hải chuyên chở các nguyên nhiên liệu chiến thuật.

Như Sudan và Zimbabwe, Myanmar là một thí dụ cho thấy Trung Quốc, vì lợi ích của mình, bất cần dư luận thế giới và thân nhiên « chơi với quỷ », giao dịch với những nước « côn đồ » bị cả cộng đồng quốc tế cô lập và lên án. Dù là hành vi bị tố cáo ấy có thể trầm trọng tới mức mang tội diệt chủng như ở Darfur, Sudan.

Lào

Kinh tế Lào phụ thuộc vào thương mại và đầu tư từ ba nước láng giềng, Trung Quốc, Việt Nam và Thái Lan. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã tăng mạnh những năm gần đây, chủ yếu trong lĩnh vực tài nguyên, thủy điện và khai khoáng. Năm 2006, khoảng 70% FDI là cho ba dự án thủy điện đang xây (Nam Theun 2, Nam Ngum 2 và Xekamen 3), phần còn lại là cho khai khoáng (đầu tư của Úc), kỹ nghệ chế biến và đồn điền nông nghiệp. Năm 2007, phần của thủy điện trong FDI khoảng 50%.

Theo thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, từ tháng 1.2001 đến tháng 3.2008, Lào đã thông qua 1 045 dự án đầu tư của 37 nước, trị giá tổng cộng 6,5 tỷ USD. Ba nước đầu tư lớn nhất là Trung Quốc, Việt Nam và Thái Lan.

Bảng 1: Dự án FDI của ba nước đầu tư chính đã được thông qua tại Lào, 1.2001 – 3.2008 (triệu USD)

Nước/ Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	Tổng cộng
Trung Quốc	13,4	62,6	119,9	28,2	58,1	423,2	496,1	84	1 285
Việt Nam	3,4	6,9	8,7	63,3	43,3	261,2	155,9	32,2	575
Thái Lan	3,3	6,3	96,3	57,2	450,9	655,2	92,7	18,5	1,380

Nguồn: Lazarus, K. (2008)

Một tài nguyên thu hút Trung Quốc ở Lào là cao su. Sản lượng cao su trong nước không đủ đáp ứng nhu cầu nên Trung Quốc từ năm 2006 tài trợ những doanh nghiệp đầu tư sản xuất cao su ở miền Bắc Lào. Hiện nay có 9 công ty Trung Quốc lớn khai thác khoảng 500 000 héc-ta cao su, không kể một số tư nhân.

Song hai lĩnh vực đầu tư chính của Trung Quốc ở Lào là thủy điện và khoáng sản. Lào có tiềm năng lớn về thủy điện và theo thống kê của Bộ Năng lượng và Khoáng sản, năm 2008 có 77 dự án trong đó 10 đã đi vào hoạt động, 7 còn đang xây cất, 16 ở giai đoạn nghiên cứu và 44 đã ký giấy xác nhận để triển khai. Hai công ty quốc doanh lớn của Trung Quốc, Sinohydro và China Southern Power Grid Co., với sự hỗ trợ tích cực của Eximbank, tham gia vào một số lớn các dự án trên. Ngoài ra, công ty China International Water and Electric Corporation (CWE) cũng ký nhiều hợp đồng với Électricité du Laos (EDL) để đặt các đường dây truyền tải và nâng cấp các trạm con phục vụ các dự án ở Bắc Lào. Gần đây nhất, EDL và CWE đã ký ngày 21.6 vừa qua thoả thuận hùn vốn cho dự án thủy điện Nam Ngiep 2, trị giá 345 USD, trong đó EDL có 10%, phần còn lại thuộc về CWE. Đây là dự án hợp tác thứ sáu giữa hai công ty sau 15 năm hoạt động của CWE tại Lào.

So với các nước khác, kỹ nghệ khai khoáng ở Lào còn ở giai đoạn phôi thai nhưng được chỉ định là lĩnh vực đầu tư ưu tiên trong chiến lược phát triển và xoá đói giảm nghèo, vì được coi là có tiềm năng đưa Lào ra khỏi nhóm các quốc gia kém phát triển nhất năm 2020. Lào có vàng, đồng, thiếc, than đá, kali cacbonat (*potash*) và thạch cao. Năm 2000, khoáng sản chỉ là 0,5% của GDP, đã tăng lên 5,5% năm 2006 và theo dự trù của chính phủ sẽ đạt 10% năm 2010. Trong năm 2008, có 113 công ty hoạt động trong ngành khai khoáng, trong đó 33 là công ty Trung Quốc. Ngoài ra có nhiều tư nhân khai thác mỏ ngoài vòng kiểm soát, gây khó khăn về quản lý, trong đó có những công ty nhỏ từ Trung Quốc, Việt Nam và Thái Lan.

Cách đây vài năm, một nhóm công ty Trung Quốc được phép thăm dò bauxite trên cao nguyên Bolaven đã tìm ra nhiều mỏ đáng giá trong một vùng rộng 24 600 héc-ta. Tháng 6.2011, Sino-Australian Resources Company (SARCO), một liên doanh Úc-Trung Quốc, đã ký giấy xác nhận với China Non-Ferrous Metal Industry's Foreign Engineering and Construction Co. Ltd (NFC) để giao cho công ty này thiết kế, cung cấp thiết bị và lắp ráp một cơ sở chế biến nhôm ở Bolaven, theo dự tính sẽ là nhà máy lớn nhất Đông Nam Á. Trị giá hợp đồng là 600 triệu USD. NFC đã thiết kế và xây dựng 60% các nhà máy luyện nhôm của Trung Quốc và được sự hỗ trợ dài hạn với điều kiện ưu đãi của ba ngân hàng lớn China Eximbank, China Development Bank và China Minshing Banking Corporation (CMBC).

Cao nguyên Bolaven là một vùng rất phì nhiêu, trù phú, bao gồm các tỉnh Champasak, Xekong và Salavan, nằm ở độ cao hơn 1 000 mét. Khí hậu mát mẻ rất thích hợp cho nông nghiệp, đặc biệt là trồng cà phê. Đây cũng là một điểm du lịch được ưa thích. Rừng còn nhiều tuy đã bị khai phá khá nhiều để sản xuất gỗ và trồng trọt. Những dự án bóc lột nhôm gây nhiều quan ngại vì tác hại lên môi trường và đe dọa cuộc sống người dân ở đây, những cộng đồng dân tộc thiểu số. Song, điều này không làm lung lay các nhà đầu tư, với sự đồng tình của chính quyền, và cái giá hết sức to tát phải trả, về mặt kinh tế cũng như môi sinh, sẽ đè nặng lên dân chúng địa phương mà không có gì đền bù họ.

Tất cả những điểm này có thể lặp lại y nguyên để miêu tả một thảm trạng cách đây không xa: các dự án khai thác bóc lột nhôm ở Lâm Đồng và Đắk Nông.

Việt Nam

Bàn về Trung Quốc và Việt Nam thì có thể thành cả một luận án và ắt sẽ có nhiều điểm trùng lặp với các tham luận khác ở Hội thảo. Mặt khác, liên quan đến Trung Quốc và tài nguyên, vấn đề nổi cộm nhất là các dự án khai thác bóc lột ở Lâm Đồng và Đắk Nông, đã có rất nhiều phân tích, bài viết, đặc biệt của cộng đồng mạng, cho nên ở đây chỉ có thể tóm tắt một số điểm chính. Một điều cần nêu lên là những thông tin chính thức rất ít, sơ sài và chung chung, để tìm hiểu phải kết hợp, đối chiếu nhiều nguồn khác nhau, khi có sai biệt khó truy tìm được gốc để kiểm chứng. Như một nhà phân tích nhận xét, trong một công trình nghiên cứu về vai trò đầu tư khai thác tài nguyên của Trung Quốc trong vùng sông Cửu Long, « các hệ thống kinh tế và quản lý hành chính trong ba nước [Đông Nam Á] tuy đã có nhiều tiến bộ song vẫn thiếu trong suốt. Thông tin ít ỏi về những thành phần liên quan đến đầu tư và về quy trình đầu tư, và các tài liệu cần thiết như bản đánh giá tác động lên môi trường không được công bố khiến công việc nghiên cứu hết sức khó khăn.»⁴

Cho đến giữa năm 2006, Trung Quốc có 377 dự án đầu tư trực tiếp ở Việt Nam, với 795,6 triệu USD vốn đăng ký, đứng hạng 15 trên 74 nước đã đầu tư ở Việt Nam. Theo ông Nguyễn Thế Phương, Thứ trưởng Bộ kế hoạch và đầu tư, cuối tháng 6. 2010 đầu tư FDI của Trung Quốc vào Việt Nam đã đạt 2,92 tỷ USD nhưng vẫn đứng thứ 15 trên tổng số 91 nhà đầu tư nước ngoài, và chỉ bằng một phần bảy của kim ngạch thương mại hai chiều giữa hai nước là 22 tỷ USD cuối năm 2009. Tuy so với đầu tư từ các nước châu Á khác như Nhật và Đài Loan, đầu tư từ Trung Quốc không cao nhưng vì những dự án lớn tập trung vào khai thác tài nguyên, đặc biệt là khoáng sản, nên vai trò của Trung Quốc trong thực tế lớn hơn so với những con số tương đối khiêm tốn trên.

⁴ Lazarus, K. (2008).

Việt Nam là một nước giàu tài nguyên, với trữ lượng hàng đầu trên thế giới cho một số khoáng sản như photphát, bô xít, wolfram và đất hiếm. Những mỏ dầu, than, vàng, đá quý, đồng, kẽm, thiếc, cromit, mangan, titan, than chì (*graphite*) đều có thể được khai thác với lợi nhuận.

Hơn 50% xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc là nguyên liệu thô hoặc bán chế (*semi-processed*), và là 20% của tổng số xuất khẩu của Việt Nam. Theo thống kê chính thức, trị giá xuất khẩu than Việt Nam sang Trung Quốc là 595 triệu USD năm 2006, nhưng con số này không kể số lượng không nhỏ than xuất khẩu lậu. Cho đến năm 2000, phần lớn các hoạt động khảo sát, sản xuất và mậu dịch khoáng sản là do các công ty quốc doanh như Tổng công ty than Việt Nam. Từ năm 2000, các công ty nước ngoài, kể cả của Trung Quốc, tham gia khảo sát những khoáng sản có nhiều triển vọng như đồng và bô xít.

Bảng 2: Đầu tư của Trung Quốc trong kỹ nghệ khoáng sản Việt Nam

Khoáng sản	Công ty	Nơi	Vai trò của Trung Quốc	Kế hoạch
Đồng	Tổ hợp khai thác đồng Lào Cai (công ty con của Công ty Khoáng sản Việt Nam (VIMICO))	Lào Cai	Cho vay 40,5 triệu USD để mua thiết bị	Vay vốn năm 2006 để khai khoáng và tinh luyện đồng: 10 000 tấn/năm
Bô xít	Tập đoàn Công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) và Chalco	Đắc Nông	Vốn đầu tư: 460 triệu USD, Chalco 60%, Vinacomin 40%	Công ty Trung Quốc sẽ có 60% số vốn 1,1 tỷ USD của nhà máy tinh luyện alumin, dự tính sản xuất 1,9 triệu tấn trong giai đoạn 1 và 4 triệu tấn trong giai đoạn 2

Sắt	Công ty Khai khoáng, luyện kim Việt-Trung (liên doanh)	Lào Cai	1 tấn/năm xuất sang Trung Quốc; 5 tấn/năm cho nhà máy luyện sắt dự tính xây ở Lào cai	Vốn vay năm 2006 để khai khoáng và luyện tinh, 10 000 tấn/năm
-----	--	---------	---	---

Nguồn: Lazarus, K. (2007)

Ngoài ra, theo Tạp chí Đầu tư Nước ngoài (2010), còn có các công ty Trung Quốc sau đây:

Khoáng sản	Tên công ty	Quốc tịch	Hình thức đầu tư	Vốn đăng ký (USD)	Tỉnh	Thời gian cấp phép
Không xác định	Công ty liên doanh Khai khoáng Hằng Nguyên	Trung Quốc	Liên doanh	25 triệu	Tuyên Quang	2005
Quặng sắt và thép	Công ty Kim loại màu Sơn Giang – Phú Yên	Trung Quốc	100% vốn nước ngoài	9,3 triệu	Phú Yên	2006
Quặng vàng	Không có thông tin	Trung Quốc	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	8,67 triệu	Nghệ An	2003
Titan	Công ty cổ phần Việt Dương	Trung Quốc	Liên doanh	4.976.000	Bình Định	2006
Antimon	Không có thông tin	Trung Quốc	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	2,7 triệu	Quảng Ninh	2006
Quặng đồng, thiếc	Công ty Khai khoáng A Cuong	Trung Quốc	Liên doanh	2,4 triệu	Bắc Giang	2006
Than đá	Công ty Khai khoáng than	Trung	Liên	2 triệu	Cao	2006

	đá Việt-Trung	Quốc	doanh		Bằng	
Quặng đồng thiếc	Công ty Khai khoáng Việt-Trung, Bắc Giang	Trung Quốc	Liên doanh	1,6 triệu	Bắc Giang	2007
Không xác định	Không có thông tin	Trung Quốc	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	1,5 triệu	Lai Châu	2002
Quặng sắt, kẽm, chì	Không có thông tin	Trung Quốc	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	1,083 triệu	Hà Giang	2003
Không xác định	Công ty liên doanh Khai khoáng A Cuong	Trung Quốc	Liên doanh	900.000	Bắc Giang	2004
Chì, quặng kẽm	Công ty Việt- Trung	Trung Quốc	Liên doanh	664.000	Bắc Cạn	2002
Than đá	Công ty Lộc Phát	Trung Quốc	100% vốn nước ngoài	400.000	Sơn La	2007

Nguồn: trang thông tin điện tử của Tạp Chí Đầu tư Nước ngoài (2010).

Theo thống kê của WTO, Việt Nam chỉ đứng hạng 30 trong danh sách các nước cung ứng tài nguyên cho Trung Quốc năm 2008 với 2,28 tỷ USD và thị phần 0,69%, tuy châu Á tính chung là nguồn cung ứng lớn nhất của Trung Quốc, với 109,33 tỷ USD và thị phần 33%. Ba nước châu Á cung ứng chính của Trung Quốc là Ấn Độ (hạng 7), Nam Hàn (hạng 8) và Nhật (hạng 9), với kim ngạch tính chung là 42,2 tỷ USD và thị phần chung 12,74%.

Những con số khiêm tốn của Việt Nam hiện nay một phần là vì đa số nguyên liệu xuất khẩu dưới dạng thô hay ít chế biến, một phần vì những đầu tư khai thác khoáng sản của Trung Quốc ở Việt Nam còn phôi thai, nhưng chắc chắn sẽ tăng lên nếu những dự án như bô xít ở Lâm Đồng và Đắc Nông tiếp tục được triển khai. Những tác hại của hai dự án này về nhiều mặt – môi trường, kinh tế, xã hội, và cả an ninh quốc gia – đã được trình bày rất rõ ràng và thuyết phục từ mấy năm nay bởi nhiều người tâm huyết trong và ngoài nước, với hiệu quả thế nào ai cũng thấy, không còn phải nhắc lại ở đây. Song, cũng phải nói lên điều này: thực trạng Việt Nam còn đáng đau buồn hơn nữa nếu so sánh với một nước

trong khu vực. Dưới áp lực của công luận, tháng 4 năm nay, Mã Lai giao cho một nhóm 10 chuyên gia của Tổ chức Nguyên tử lực Quốc tế IAEA đánh giá tác động lên môi trường của dự án nhà máy xử lý chế biến đất hiếm của công ty Úc Lynas gần Kuantan, thủ đô của tiểu bang Pahang.

Cuối tháng 6, ngay sau khi nhận được bản báo cáo của các chuyên gia, chính quyền Mã Lai họp báo, công bố chính thức, và sau đó toàn bộ văn kiện được đưa lên trang mạng của IAEA. Cùng lúc, Mã Lai yêu cầu Lynas phải tuân thủ các khuyến cáo, trả lời thoả đáng 10 vấn đề được nêu lên trong báo cáo trước khi được cấp giấy phép đi vào hoạt động, khiến dự án coi như sẽ bị đình hoãn ít nhất từ 6 tháng đến một năm. Sự phản kháng của dân chúng đối với Lynas cũng khiến chính quyền Mã Lai huỷ bỏ giắc thư đã ký kết với công ty CVM Minerals Ltd của Hồng Kông về việc khảo sát và khai thác các mỏ đất hiếm ở tiểu bang Perak.

Thật ra thì thủ tướng Najib Razak cũng rất muốn thu hút thêm đầu tư nước ngoài nhưng sợ lại càng mất phiếu sau khi liên minh của ông đã thua nặng trong những cuộc bầu cử năm 2008. Đầu năm nay ông cũng huỷ bỏ dự án nhà máy nhiệt điện dùng than của công ty điện lực nhà nước Tenaga trong bang Sabah ở Borneo trước sự phản đối về hậu quả của dự án lên môi trường. Biết nghe ý dân, tuy chủ yếu là để khỏi mất ghế, cố gắng trung thực và trong suốt (đánh giá tác động lên môi trường do chuyên gia độc lập thực hiện và có thể được truy cập dễ dàng), như thế là tiến bộ. Trong khi đó, ở Việt Nam, công luận bị trấn áp, bản đánh giá tác động lên môi trường thì do chính công ty đầu tư Vinacomin làm, có khác gì học sinh đi thi tự chấm điểm lấy, và đã mấy ai được thấy nó ở đâu, ra sao. Bài học từ một nước chưa hẳn là điển hình dân chủ lại càng làm tủi thêm cho Việt Nam.

5. Thực tế đằng sau các mỹ từ

Bên cạnh các giao dịch kinh tế hay tài chánh như nhập khẩu và đầu tư vốn, viện trợ và giúp đỡ kỹ thuật nước khác cũng nằm trong chiến lược đảm bảo cung ứng nguyên nhiên liệu của Trung Quốc. Đặt nguyên tắc đôi bên cùng có lợi thành nền tảng của chính sách ngoại viện, để « tăng cường các quan hệ hữu nghị song phương và lợi ích hỗ trợ thông qua hợp tác kinh tế và kỹ thuật với các nước đang phát triển khác », Trung Quốc lộ rõ mục tiêu của sự trợ giúp là phục vụ cho lợi ích của chính mình, trong đó có khai thác tài nguyên, và cũng vì thế thường xuyên bị chỉ trích. Ngày 21.4 vừa qua, Trung Quốc lần đầu tiên công bố bạch thư về chính sách ngoại viện để phô trương hình ảnh một nước rộng lượng và hào hiệp. Bạch thư nhắc lại lịch sử từ năm 1950, khi Việt Nam và Bắc Hàn là hai nước đầu tiên được giúp đỡ, nhấn mạnh các hoạt động nhân đạo, khoe rằng trong 60 năm cho đến 2009 đã giúp đỡ 161 nước tổng cộng 256,29 tỷ nhân dân tệ (38,54 tỷ USD), trong đó 41% là viện trợ không hoàn lại, phần còn lại là các khoản vay với lãi suất thấp hoặc

không tính lời. Gần 80% tổng số viện trợ dành cho châu Phi và châu Á, và châu Phi được 45% trong năm 2009.

Với lời lẽ hoa mỹ nhưng chung chung cố hữu, Trung Quốc nhắc lại các nguyên tắc đã được đề ra từ 1964 cho các hoạt động trợ giúp kinh tế và kỹ thuật:

- Giúp các nước được hưởng xây dựng khả năng tự phát triển,
- Không áp đặt điều kiện chính trị, không dùng viện trợ để can thiệp vào nội bộ nước khác hay mưu tìm đặc quyền chính trị cho mình,
- Bình đẳng, hai bên cùng có lợi, và đồng phát triển. Cùng cố quan hệ hữu nghị song phương,
- Nỗ lực tối đa nhưng tuân theo điều kiện thực tế của Trung Quốc cũng như nhu cầu của nước được hưởng.

Thật là cao thượng và không chê trách vào đâu được. Nhưng ngay chính cái văn bia ấy cũng bộc lộ những hàm ý là thực chất của vấn đề. Không mưu tìm đặc quyền chính trị, tốt quá, nhưng đặc quyền kinh tế thì sao? Cái này thì không thấy cam đoan, hứa hẹn. Cụm từ “tuỳ theo điều kiện thực tế của Trung Quốc” lại được nhắc nhở nhiều lần, có nghĩa là các điều kiện (và nhu cầu) của Trung Quốc mới là quan trọng, còn những “nhu cầu của nước được hưởng” chỉ là “hàng kèm theo”. Hai chi tiết khác nói rõ ngoại viện của Trung Quốc phục vụ mục tiêu gì: “Năm 1993, chính quyền Trung Quốc dùng một phần những khoản cho vay không lấy lãi được các nước đang phát triển hoàn lại để lập Quỹ ngoại viện cho các liên doanh và dự án hợp tác. Quỹ chủ yếu hỗ trợ các công ty nhỏ và vừa của Trung Quốc thành lập liên doanh hay hợp tác với các nước hưởng ngoại viện trong các lãnh vực sản xuất và hoạt động.” và “Bộ Thương mại là bộ phận hành chính được Hội đồng Nhà nước uỷ nhiệm chỉ đạo và quản lý ngoại viện”. Ở Thụy Sĩ cũng như nhiều nước khác, ngoại viện thuộc thẩm quyền Bộ ngoại giao. Ở Trung Quốc, đó là trọng trách của Bộ Thương mại.

Như đã thấy ở trên, chính sách “không ràng buộc” (*no string*) trong thực tế ra sao, nhưng còn các khoản “hai bên cùng có lợi”, “bình đẳng”, “cùng cố hữu nghị” v.v. thì thế nào? Ở đây xin chỉ nêu lên vài trường hợp cụ thể.

Congo - Brazzaville

Trong một phóng sự của Fabrice Monod và Serge Michel phát trên đài truyền hình Pháp France 5 ngày 6.1.2009, phóng viên theo chân bộ trưởng quy hoạch đô thị thăm một công trường xây dựng nhà ở của một công ty quốc doanh Trung Quốc. Công nhân là dân bản xứ, quản đốc, đốc công là người Tàu. Ngoài giờ làm việc hai bên không có sinh hoạt

chung nào. Các nhân viên Trung Quốc ở khu riêng, ăn riêng. Công nhân Congo vừa làm vừa hát to *“Người Tàu là láng giềng tốt, nhưng họ có tính xấu. Họ bắt thợ làm việc cả đêm...”* Sự hiện diện của Trung Quốc trong nước giàu tài nguyên (gỗ, dầu và khoáng sản) này vừa là những công ty quốc doanh, trúng thầu hầu hết những dự án lớn xây cất đường xá, đập thủy điện và dinh thự của nhà nước, vừa là những tư nhân sang Phi châu thử thời vận. Bà Jessica Yé, chẳng hạn, từ Ôn Châu đến Brazzaville năm 2000 để mở một cửa hàng nhỏ bây giờ là một đại gia nổi tiếng, đã đưa 80 người trong gia đình từ Trung Quốc sang làm ăn ở Congo. Phóng sự quay bà chơi bóng bàn với bộ trưởng lâm sản Congo. Chồng bà, trước là phái viên của thông tấn xã Chine nouvelle ở Congo, làm chủ một những công ty khai thác gỗ lớn nhất, trên một thị trường do Pháp chế ngự cho tới nay. Ông cũng có nhà máy ván ép, công nhân người Congo, nhân viên điều hành là người Tàu và khách hàng là Mỹ, Nhật và Âu châu. Các ngư dân Congo kêu cứu là họ chết đói vì sự cạnh tranh của tàu bè Trung Quốc đánh cá ngày đêm. Một doanh nhân Congo trẻ nói *“Chúng tôi đã vấp phải nhiều sai lầm với người Tây phương. Phải tránh lặp lại với Trung Quốc”*.

Zambia

Zambia là một trong những nước châu Phi có quan hệ lâu dài và sâu rộng với Trung Quốc nên được nói đến nhiều như trường hợp thực tiễn của mối bang giao Trung-Phi.

Năm 1998, tập đoàn China Non-Ferrous Metal Industry's Foreign Engineering & Construction - NFC (đã nêu ở trên trong phần liên quan đến Lào) mua lại mỏ đồng Chambisi, đã đóng cửa từ nhiều năm vì sự quản lý tồi tệ của chính quyền Lusaka. Được đón tiếp như cứu tinh, NFC ra điều kiện: đưa đông đảo công nhân và cán bộ Trung Quốc sang làm việc, trả lương rất thấp cho nhân viên bản xứ, cấm công đoàn, đóng thuế tối thiểu, và chỉ có trách nhiệm với công ty mẹ ở Bắc Kinh, không phải báo cáo với ai ở Zambia cả. Nhân viên Trung Quốc, khoảng hơn 1 000 người, sống trong một khuôn viên riêng, tiện nghi và được canh gác cẩn mật. Chung quanh là khu ở tuềnh toàng nghèo nàn của công nhân Zambia. Những sự cố và xung đột xảy ra liên tiếp, tới mức khi viếng thăm Zambia tháng 1.2007, Hồ Cẩm Đào đã phải hủy chuyến đi kinh lý tỉnh Copperbelt để tránh khả năng bị biểu tình đả đảo.

Năm 2005, toàn bộ 52 công nhân Zambia nhà máy thuốc nổ BGRIMM thuộc về NFC chết trong vụ nổ. Sau khi cuộc điều tra phát hiện các vi phạm điều lệ an toàn, NFC đề nghị bồi thường mỗi gia đình nạn nhân 48 triệu kwachas (khoảng 9 800 USD bây giờ), một số tiền bị coi như rỏ rúng. Một năm sau, các bảo vệ người Trung Quốc nổ súng vào đám công nhân biểu tình phản đối NFC không cải thiện điều kiện làm việc và tăng lương như đã hứa. Gần đây nhất, ngày 5.1 năm nay, hai

giám đốc Trung Quốc của mỏ than Collum ở thành phố Sinazongwe đã trốn hầu tòa tuy bị truy tố vì nổ súng vào một đám biểu tình của công nhân, làm ít nhất 11 người bị thương, tháng 10. 2010. Cuộc biểu tình là để phản đối các điều kiện làm việc (không có trang bị an toàn), lương quá thấp, và việc công ty thải bừa bãi than phế liệu, làm ô nhiễm suối Sikalima đổ ra hồ Kariba và là nguồn nước uống của cả vùng.

“Đưa Trung Quốc vào đây không khác gì nhập khẩu nghèo đói và xuất khẩu sung túc”, ông Chishimba Kambwili, dân biểu của Luanshya, tỉnh Copperbelt, nói trong một buổi phỏng vấn năm 2009. *“Họ trả lương rẻ mạt, vét hết tài nguyên của chúng ta mà nước ta chẳng được hưởng bao nhiêu”.*

Peru

Năm 1992, công ty Thủ Cương (Shougang), công ty sắt lớn thứ tư của Trung Quốc, mua lại với giá 120 triệu USD mỏ quặng sắt San Juan de Marcona cách thủ đô Lima khoảng 500 km về phía Nam và thành lập công ty Shougang Hierro Perú với cơ sở xử lý chế biến tại cảng San Nicolás, cùng tỉnh Ica. Như ở Chambisi (Zambia), sự xuất hiện của nhà đầu tư Trung Quốc trong lúc Peru đắm chìm trong bạo lực và nội chiến với nhóm khủng bố *Sendero luminoso* cũng được đón nhận như cứu tinh hứa hẹn mang lại ổn định và công ăn việc làm. Song, cũng như ở các nơi khác, các vụ đình công, xô xát và tấn công chống chủ nhân Trung Quốc xảy ra liên tục ngay từ những năm 1990 và kéo dài tới nay. Vẫn những lý do như ở nơi khác: sa thải hơn một nửa công nhân bản xứ (1 700 người trên 3 000) và đưa công nhân Trung Quốc vào, gây ô nhiễm (đồ phế thải hoá học xuống biển), vi phạm các tiêu chuẩn y tế và luật lao động (trả lương rất thấp và không tăng theo qui định của nhà nước), v.v.

Cũng như ở các nơi khác, công nhân mỏ sống trong những căn nhà tồi tàn của thành phố hay tệ hơn, trong khu ổ chuột Ruta del Sol. Phía bên kia thành phố là khu sang trọng Playa Hermosa, với những biệt thự kiểu *ranch* xây cho các kỹ sư Mỹ khi mỏ Marcona được công ty Mỹ khai thác trong những năm 1950. Người Mỹ đã rời đây từ lâu nhưng các biệt thự kia bây giờ là nhà của các quản đốc, giám đốc Trung Quốc, di chuyển bằng xe SUV, trao đổi với nhân viên chỉ qua thông ngôn, có căn-tin riêng và không sinh hoạt với người bản xứ.

Honorato Quispe, 63 tuổi, cán bộ công đoàn lão thành và công nhân mỏ Marcona, nói: *“Chúng tôi rất nhanh hiểu ra là bị bóc lột cho lợi ích của Trung Quốc, nhưng công lao ấy không được đền bù gì cả.”* Bà Hermilia Zamudio, 58 tuổi, cư dân Ruta del Sol, chồng bị sa thải sau 30 năm làm việc ở mỏ, nói: *“Đối với người Trung Quốc, chúng tôi chẳng hơn gì nô lệ. Họ không thèm nói chuyện với chúng tôi, khi có vấn đề phải giải quyết thì họ dùng đám côn đồ của họ.”* Ruta del Sol ở trong một

vùng đất có dolomite, một loại quặng công ty Thủ Cương đòi khai thác, là nơi thường xuyên xảy ra xô xát với các đội bảo vệ tư của Thủ Cương và những công an Peru ăn tiền hàng tháng của công ty.

Ngoài tài nguyên, Marcona còn có địa thế thuận lợi vì có cảng nước sâu gần đây (cũng thuộc về Thủ Cương) và nằm trên đường xa lộ cao tốc dự tính sẽ xây để nối với Brazil, nên cũng có vài nhà đầu tư nước ngoài khác dòm ngó, trong đó một công ty phân bón Mỹ với dự án một nhà máy 1 tỷ USD. Nhưng người dân ở đây đã quá thất vọng và uất ức. Ông Felix Diaz, 66 tuổi, cán bộ công đoàn, nói: *“Sau gần hai mươi năm với cái thử nghiệm này, câu trả lời là không. Lúc người Trung Quốc đến, họ nói nào là đoàn kết, là bình đẳng. Nếu đây là cái tình huynh đệ mà họ quảng cáo thì sớm hay muộn cũng phải đuổi họ đi.”*

6. Bài học rút ra từ thực tế

Tất nhiên, không phải những dự án đầu tư nào của Trung Quốc cũng đầy vấn đề như thế. Song, những trường hợp trên nhan nhản, ở nhiều nước khác nhau, nhưng đều có nhiều điểm chung, như cùng một bản kịch lặp đi lặp lại những cái tiêu cực cho thấy hố sâu giữa lời nói và thực tế. Đằng sau viễn tượng hào nhoáng Trung Quốc vẽ ra cho một sự hợp tác để đồng phát triển, một phương thức “win-win” tất cả cùng có lợi, là một luồng thương mại bất quân bình: các nước giàu tài nguyên bán quặng sắt, đồng, chì, kẽm, dầu mỏ cho Trung Quốc và đổi lại mua xe hơi, điện thoại di động, áo thun và đồ chơi nhựa rẻ tiền.

Ngoài những hiện tượng đã nêu lên cho thấy Trung Quốc không oan ức gì khi bị lên án là áp dụng một chính sách thể hiện những đặc tính thực dân mới, bóc lột và phi nghĩa, nhiều điểm đen khác cũng thường được nêu lên:

- Cùng lúc với khai thác tài nguyên, Trung Quốc cũng thâm nhập nền kinh tế nước sở tại qua nhập khẩu ồ ạt hàng tiêu dùng với giá rẻ mạt, bóp chết hàng nội địa. Thay vì “đồng phát triển” và “giúp các nước xây dựng khả năng tự phát triển”, một số ngành sản xuất, nhất là những ngành còn phôi thai, không cất lên nổi, thậm chí lụn bại trong nhiều nước. Ngày dệt may ở Trung Mỹ trước sự cạnh tranh của Trung Quốc là một thí dụ.
- Những dự án đầu tư của Trung Quốc chỉ phục vụ nhu cầu tài nguyên của Trung Quốc và thường kèm theo điều kiện phải mua một tỷ lệ lớn hàng và dịch vụ Trung Quốc, khiến Trung Quốc là bên được hưởng lợi nhiều nhất thậm chí duy nhất.
- Người Trung Quốc ồ ạt đến làm ăn, buôn bán, nhiều khi trái phép, lợi dụng các lỗ hổng do tham nhũng, hệ thống kiểm soát di dân yếu kém, luật pháp áp dụng lỏng lẻo. Vấn đề càng nhạy cảm đối

với công chúng khi thông tin bùng bít không cho phép có những con số chính thức khả tin, chính xác về sự hiện diện của người Trung Quốc và ảnh hưởng lên nền kinh tế bản địa, tạo ra nghi vấn về một cuộc “xâm lăng” và tâm lý bài Hoa, gây căng thẳng trong xã hội.

- Trong những nước độc tài thời nát, các công ty Trung Quốc tha hồ phạm pháp và coi thường các lời cam kết nhờ sự đồng lõa của chính quyền sở tại, nhiều khi ở mức cao nhất. Thay vì “*không ngừng nỗ lực xây dựng, cùng với các nước khác một thế giới phồn vinh, hài hoà và hoà bình vững bền*” (kết luận của bạch thư) tác động của Trung Quốc là góp phần duy trì trong những nước này nghèo đói, lạc hậu, tham nhũng và bất ổn định xã hội.

Đây là những bài học cụ thể và hiển nhiên ở nhiều nơi, mọi nước, đặc biệt là Việt Nam, cần suy ngẫm. Trước khi quá muộn.

Tranh giành tài nguyên

Cho tới đây chúng ta mới chỉ xem xét một vế của vấn đề cung cầu, Trung Quốc như nước tiêu thụ và nhập khẩu. Vế thứ hai, Trung Quốc như nước cung cấp và xuất khẩu, cũng có tầm quan trọng nhất định, như có thể thấy qua hai sự kiện rất gần nhau, về thời điểm cũng như nội dung: vấn đề đất hiếm và vụ kiện về nguyên liệu thô trước WTO giữa Mỹ, Mexico và Liên Hiệp châu Âu, một bên, và Trung Quốc, một bên. Vụ kiện này vừa được phân xử đầu tháng 7 vừa qua, rất được theo dõi và chú ý vì là lần đầu tiên WTO xét xử tranh chấp về tài nguyên và đặt một tiền đề pháp lý quan trọng cho sự xung đột về đất hiếm nổ ra trong năm qua.

Vụ kiện Trung Quốc – Các biện pháp liên quan đến xuất khẩu một số nguyên liệu thô (DS 394 - DS395 - DS398)

Đây là tên gọi chính thức của vụ kiện khởi tố ở WTO tháng 6.2009 và được nhóm hội thẩm (*panel*) công bố kết luận trong bản báo cáo phát hành ngày 5.7 vừa qua. Những trường hợp phân xử tranh chấp về giới hạn xuất khẩu rất ít vì trọng tâm của hệ thống thương mại đa phương là mở cửa thị trường, tức là tự do hoá nhập khẩu. Việc các cường quốc thương mại như Mỹ, Liên hiệp châu Âu và Trung Quốc kiện nhau trước WTO về xuất khẩu nguyên liệu cho thấy vấn đề tài nguyên từ tranh giành song phương đã trở thành tranh chấp đa phương trên bình diện quốc tế.

Theo thủ tục tố tụng tại WTO, Mỹ và LH châu Âu, ngày 23.6.2009, và Mexico, ngày 21.8.2009, yêu cầu Trung Quốc hội đàm về các biện pháp giới hạn xuất khẩu 9 nguyên liệu dưới 24 dạng khác nhau: bô xít, than cốc, fluorspar, magnesium, mangan, silicon carbide, silicon kim loại, photpho vàng và kẽm. Đây là những nguyên liệu chính trong các

ngành hoá chất, thép, nhôm, để sản xuất từ các mặt hàng phổ biến như lon bia, đĩa CD, pin, phân bón, thuốc men, đến các sản phẩm công nghệ cao như đồ điện tử, xe hơi, tủ lạnh, v.v.

Hội đàm tất nhiên không giải quyết được sự tranh chấp ngày càng gay gắt từ lúc Trung Quốc áp dụng các biện pháp trên từ mấy năm nay, ngày 4.11.2009, Mỹ, LH châu Âu và Mexico đưa đơn khiếu nại lên Cơ quan giải quyết tranh Chấp (Dispute Settlement Body – DSB). Ngày 21.12.2009, DSB thành lập một nhóm hội thẩm duy nhất cho ba nguyên đơn và ngày 29.3.2010, Tổng giám đốc WTO chỉ định ba thành viên của nhóm.

Con số rất cao 13 nước tham gia với tư cách đệ tam nhân (Ấn Độ, Argentina, Brazil, Canada, Chile, Colombia, Đài Loan, Ecuador, Nam Hàn, Na Uy, Nhật, Saudi Arabia và Thổ Nhĩ Kỳ) cho thấy sự quan tâm của nhiều nước. Các đơn kiện liệt kê 40 biện pháp cụ thể qua đó Trung Quốc thi hành 4 hình thức giới hạn xuất khẩu: thuế xuất khẩu, hạn ngạch xuất khẩu, qui định về chế độ giấy phép xuất khẩu, và qui định về giá xuất khẩu tối thiểu.

Vụ kiện hết sức phức tạp, vì thế kéo dài gần hai năm, chỉ có thể rất tóm tắt như sau:

Lập luận của các nguyên đơn

Các biện pháp trên vi phạm một số điều lệ của Hiệp ước GATT và những cam kết của Trung Quốc trong Nghị định thư gia nhập WTO và Bản báo cáo của Nhóm công tác về việc Trung Quốc gia nhập WTO: bãi bỏ mọi loại thuế xuất khẩu, trừ một số biệt lệ ghi trong Phụ lục 6; tôn trọng các mức tối đa ấn định trong Phụ lục 6; không áp dụng hạn ngạch xuất khẩu; bãi bỏ các giới hạn quyền kinh doanh (*trading rights*) của các doanh nghiệp nước ngoài.

Vì Trung Quốc là nước cung ứng chính nên chính sách giới hạn xuất khẩu gây khan hiếm, làm tăng vọt giá nguyên liệu thô và gây đột biến trên thị trường thế giới. Trong khi đó, các nhà sản xuất nội địa được lợi vì hưởng giá ưu đãi và cung cấp ổn định. Điều này cũng vi phạm điều lệ cơ bản của Hiệp ước GATT về không phân biệt đối xử.

Lập luận của Trung Quốc

Điều lệ XI.2 a) của GATT cho phép tạm thời giới hạn xuất khẩu để tránh hoặc khắc phục một tình trạng khan hiếm trầm trọng về lương thực hay một sản phẩm thiết yếu đối với nước xuất khẩu.

Điều lệ XX b) và g) của GATT cho phép hạn chế xuất khẩu để bảo vệ sức khỏe của dân chúng và sự sinh tồn của các động vật và thực vật, và để bảo tồn những tài nguyên có thể bị cạn kiệt.

Những phán quyết chính của nhóm hội thẩm

- Trung Quốc vi phạm các cam kết đã thoả thuận khi gia nhập WTO.
- Văn bản của Nghị định thư gia nhập không cho phép Trung Quốc viện Điều lệ XX của GATT để biện minh cho những biện pháp bất hợp lệ này. Và cho dù Trung Quốc có thể viện một vài biệt lệ dự trù trong luật WTO, Trung Quốc đã không tuân thủ các qui định về các biệt lệ ấy.
- Trung Quốc không chứng minh được là các biện pháp được áp dụng “tạm thời” để tránh khan hiếm, cho phép giảm thiểu ô nhiễm và qua đó bảo vệ sức khoẻ dân chúng, và áp dụng đồng đều cho sản xuất hay tiêu thụ trong nước để bảo tồn tài nguyên.
- WTO yêu cầu Trung Quốc sửa sai những biện pháp bị phản đối để tuân thủ những bổn phận và giao ước của mình trong khuôn khổ WTO.

Nói tóm lại, phán quyết của WTO bác bỏ tất cả lập luận của Trung Quốc, trừ hai điểm rất nhỏ liên quan đến tổ chức hành chính. Thắng lợi hoàn toàn của các nguyên đơn mở rộng cửa để đưa vấn đề đất hiếm ra trước WTO, với khả năng sẽ có kết quả tương tự. Đây là điều nhiều nhà quan sát chờ đợi sớm hay muộn sẽ xảy ra vì tính chiến lược của đất hiếm. Và nhất là vì Trung Quốc một mặt tuyên bố sẽ tuân theo các quyết định của WTO và đợi đến gần hết thời hạn⁵ mới đệ đơn kháng cáo lên Cơ quan thượng thẩm (*Appellate Body*), một mặt vẫn điềm nhiên tiếp tục thắt chặt xuất khẩu đất hiếm và những nguyên liệu quan trọng này. Như để thách thức, ba hôm sau khi phán quyết được chính thức công bố, Trung Quốc thông báo tăng thuế xuất khẩu lên than cốc và cắt giảm hạn ngạch của nhiều kim loại khác.

Đất hiếm

Như chúng ta biết, đất hiếm không phải là đất và cũng không hiếm, song được gọi như thế vì ít khi được tìm thấy dưới dạng nguyên chất mà thường lẫn với các khoáng chất khác, phải dùng công nghệ phức tạp để tách ra. Đây là tên gọi chung của 17 kim loại trong bảng tuần hoàn Mendeleiev, có số nguyên tử từ 57 đến 71 và tính chất tương tự, như lanthanium, néodymium, europium. Các kim loại từ đất hiếm được sử dụng trong đủ loại hàng thông dụng cũng như trong những ngành công

⁵ Bị vong lục về giải quyết tranh chấp (tên tắt: *Dispute Settlement Understanding – DSU*) qui định DSB sẽ thông qua bản báo cáo của nhóm hội thẩm trong vòng tối đa 60 ngày kể từ ngày báo cáo được công bố, trừ phi một bên hay cả hai bên liên can đệ đơn kháng cáo. Như thế thời hạn đệ đơn kháng cáo trong vụ kiện này là trước ngày 3.9.2011. Ngày 24.8.2011, Trung Quốc tuyên bố sẽ kháng cáo và chính thức đệ đơn lên Cơ quan thượng thẩm ngày 31.8.2011.

nghe cao hoặc đang lên, như công nghệ điện tử hay công nghệ “xanh” nhằm bảo vệ môi trường: đồ gốm và thủy tinh, bóng đèn tiết kiệm điện, xe hơi dùng nhiên liệu hỗn hợp, chất xúc tác, phụ gia cho dầu diesel, màn hình phẳng, máy ảnh số, ổ cứng máy vi tính, iPod, máy điện gió, v.v. Đất hiếm cũng cần thiết cho những thiết bị quân sự như màn hình radar, hệ thống điều khiển tên lửa, thiết bị tia hồng ngoại để nhìn đêm, v.v.

Nhật và những nước công nghệ cao như Mỹ, LH châu Âu là những nước tiêu thụ chính. Trung Quốc hầu như độc quyền cung cấp với hơn 97% sản lượng kim loại từ đất hiếm của thế giới, 130 000 tấn trên tổng số 133 600 tấn sản xuất năm 2010. Đất hiếm được khai thác trong khoảng 200 mỏ nhỏ trong hai tỉnh Quảng Đông và Giang Tây, nhưng quan trọng nhất là mỏ Bayan Obo, ở phía bắc Baotou (Nội Mông Cổ), với 91,6 % trữ lượng của Trung Quốc và cung cấp hơn 70% tiêu thụ của thế giới hiện nay. Song, Trung Quốc không độc quyền về trữ lượng, dù đứng hạng nhất với 55 triệu tấn trên khoảng 114 triệu tấn của thế giới, tức 48%. Theo thống kê của US Geological Survey, các nước khác có đất hiếm là Nga, hạng nhì với 19 triệu tấn, Mỹ, 13 triệu, Ấn Độ, 3,1 triệu và Úc, 1,6 triệu. Các nước khác còn lại có trữ lượng 22 triệu tấn, trong đó Việt Nam có khoảng 7- 8 triệu, tập trung ở Tây Bắc. Mỏ. Đầu năm nay, công ty Vinacomin đã tiến hành khảo sát mỏ Đông Pao ở Lai Châu, tại hai xã Bản Hòn và Bản Giang, nơi sinh sống chủ yếu của dân tộc Lự. Một liên doanh giữa Công ty cổ phần đất hiếm Lai Châu và Land Resources Company (Laresco) của Canada đã được thành lập. Hai công ty Nhật Toyota Tsusho và Sojitz cũng đã mua lợi ích trên mỏ Đông Pao.

Sở dĩ chỉ trong vòng mười mấy năm Trung Quốc đã chiếm vị trí hầu như độc quyền là vì đã loại tất cả các nhà sản xuất khác với giá thành rẻ mạt của mình. Mỏ Mountain Pass trong sa mạc Mojave ở bang California của Mỹ, thuộc về công ty Molycorp và cho tới giữa thập niên 1990 là nguồn cung ứng chính của thế giới, cũng phải đóng cửa năm 2002. Ngoài ra, sản xuất đất hiếm với độ tinh khiết cao đòi hỏi nhiều công đoạn rất ô nhiễm, có cả nguy cơ phóng xạ, nên dưới sức ép của công luận các nước Tây phương chuyển sang mua của Trung Quốc thay vì tự sản xuất chế biến. Do đó, khi bị chỉ trích là gây khan hiếm, làm tăng giá và thao túng thị trường, Trung Quốc mới lên giọng đạo đức nhắc nhở rằng lâu nay đã phải “chịu ô nhiễm hộ” các nước khác và thế giới cũng không thể cứ dựa vào Trung Quốc mãi.

Thật ra, với sự phát triển của các kỹ nghệ nội địa, từ 2006, Trung Quốc đã bắt đầu giới hạn mỗi năm từ 5% đến 10% hạn ngạch xuất khẩu đất hiếm và tăng thuế xuất khẩu, cùng lúc ưu tiên cung cấp các công ty nội địa để khuyến khích các công nghệ cao. Song, chỉ từ năm 2009, các nước tiêu thụ mới bắt đầu sốt ruột và vấn đề trở thành nóng bỏng cuối năm qua, khi Trung Quốc ngưng xuất đất hiếm sang Nhật, nước tiêu thụ lớn nhất thế giới, sau sự cố đụng thuyền ở đảo Senkaku đầu tháng

9.2010⁶. Trước đó, tháng 7. 2010, Trung Quốc đã thông báo cắt giảm 72% hạn ngạch xuất khẩu đất hiếm, xuống 7 976 tấn, so với 28 417 tấn cùng thời kỳ năm 2009. Khi Nhật hô hoán lên là ngay sau vụ Senkaku mọi xuất khẩu đất hiếm sang Nhật bị đình chỉ vì hải quan Trung Quốc làm khó dễ, tuy không có một tuyên bố hay văn bản chính thức nào từ chính quyền Trung Quốc, thế giới giật mình nhận ra một vũ khí mới của Bắc Kinh: trực tiếp dùng kinh tế để làm áp lực chính trị.

Nguy cơ của sự lệ thuộc quá đáng vào Trung Quốc cho những nguyên liệu chiến lược hiện rõ hơn bao giờ hết, khiến các nước đổ xô đi tìm nguồn cung ứng khác. Cuối tháng 10.2010, cựu thủ tướng Nhật Yukio Hatoyama đến Việt Nam thương thuyết và ký kết thoả thuận hợp tác phát triển ngành công nghiệp đất hiếm ở Việt Nam. Trước đó công ty hoá chất Showa Denko đã thành lập Showa Denko - Đất hiếm Việt Nam tại tỉnh Hà Nam tháng 10.2008 và khánh thành nhà máy luyện kim tháng 5. 2010. Nhật cũng loan báo phát hiện trữ lượng đất hiếm khổng lồ trong bùn ở đáy biển Thái Bình Dương, ước tính có thể lên đến 90 tỷ tấn, trong một vùng lớn từ kinh độ 120 đến kinh độ 180. Song những lớp trầm tích này ở độ sâu từ 3 500 đến 6 000 thước khiến việc khai thác không dễ và sẽ rất tốn kém.

Mỹ dự tính mở lại mỏ Mountain Pass và quốc hội Mỹ sắp tới sẽ xem xét hai dự luật nhằm ngưng xuất khẩu đồ điện tử phế thải và khuyến khích tái tạo phế liệu. Công ty Lynas của Úc ráo riết khảo sát và đầu tư ở Mã Lai. Song từ khi khảo sát đến sản xuất phải tính cả chục năm, và sau nhiều năm độc quyền, Trung Quốc đã tự tạo cho mình khoảng cách lớn, đi trước trong các công nghệ chế biến, trước mắt vẫn có thể giữ vững vị trí hiện nay trên thị trường. Một thị trường đất giá, với khoảng 1,3 tỷ USD năm 2010, và sẽ còn tiếp tục sinh lợi khi Trung Quốc tha hồ thao túng giá cả. Sau khi Trung Quốc tuyên bố cắt giảm hạn ngạch đầu năm nay, giá của một tấn đất hiếm đã lần đầu tiên vượt 100 000 USD một tấn. Chỉ trong hai tháng đầu năm nay, kim ngạch xuất khẩu đất hiếm của Trung Quốc đã đạt 314,3 triệu USD, tăng 568% trên một năm.

7. Tài nguyên, cuộc chiến của thế kỷ 21

Nhưng đâu chỉ có đất hiếm. Những nguyên liệu khác được khai thác từ lâu như sắt, chì, đồng, mangan, đều có tính chiến lược như thế, nhất là cho những công nghệ đang lên. LH châu Âu đã lập một nhóm công tác đặc biệt nghiên cứu nhu cầu của các nước thành viên, khả năng khan

⁶ Sáng thứ bảy 7 tháng 9, 2010, tàu đánh cá Minjinyu 5179 của Trung Quốc đụng phải tàu tuần tiễu của đội biên phòng Nhật gần quần đảo Senkaku, là khu vực Nhật và Trung Quốc tranh giành chủ quyền. Sự cố và việc Nhật bắt giữ thuyền trưởng Zhan Qixiong đã gây căng thẳng ngoại giao giữa hai nước cho đến khi thuyền trưởng và thủy thủ Trung Quốc được thả về nước.

hiếm và tính chất trọng yếu (*critical*) của một số nguyên liệu chính. Cho 14 loại nguyên liệu, kể cả đất hiếm, châu Âu lệ thuộc các nước khác, đặc biệt là Trung Quốc, từ 75% đến 99%. Liệt kê nhu cầu của những công nghệ đang lên cho thấy vai trò hết sức chiến lược của những nguyên liệu này.

Bảng 3: Những công nghệ đang lên đẩy mạnh nhu cầu nguyên liệu

Nguyên liệu	Công nghệ đang lên
Gallium	Quang vôn-ta-ic, mạch vi điện tử, WLED, bóng đèn ít tổn điện
Neodymium	Nam châm vĩnh cửu, công nghệ laser
Indium	Màn hình, quang vôn-ta-ic
Germanium	Sợi cáp quang, công nghệ quang học tia hồng ngoại
Platinum	Tế bào nhiên liệu, chất xúc tác
Tantalum	Bộ tụ điện cực nhỏ, công nghệ y khoa
Bạc	Nhận dạng tần số vô tuyến (RFID), chất hàn mềm không chứa chì
Côban	Bình điện lithium-ion, nhiên liệu nhân tạo
Palladium	Chất xúc tác, khử muối nước biển
Titanium	Khử muối nước biển, mô cấy (implants)
Đồng	Động cơ điện hiệu suất cao, RFID
Niobium	Bộ tụ điện cực nhỏ, hợp kim sắt
Antimon	Antimony tin oxide (ATO), bộ tụ điện cực nhỏ
Crôm	Khử muối nước biển, công nghệ biển

Nguồn: European Commission (2010)

Để đo lường tình hình cung cầu của các nguyên liệu trọng yếu trong tương lai, nhóm nghiên cứu so sánh nhu cầu tiêu thụ của các công nghệ đang lên năm 2006 và dự báo cho năm 2030 (xem bảng 4). Chỉ số 2006 là tỷ lệ tiêu thụ trên sản lượng thế giới năm 2006. Chỉ số 2030 là hệ số của nhu cầu năm 2030 so với sản lượng hiện nay. Thí dụ, cho gallium, nhu cầu do sự phát triển công nghệ sẽ vượt quá gần gấp 4 tổng sản lượng ngày hôm nay, và tăng gấp 22 lần giữa 2006 và 2030 (tỷ lệ 3,97 trên 0,18).

Bảng 4: Nhu cầu nguyên liệu tổng thể của các công nghệ đang lên trong năm 2006 và 2030 so với tổng sản lượng thế giới hiện nay của một số nguyên liệu (theo thống kê cập nhật tháng 4. 2010)

Nguyên liệu	Sản lượng 2006 (tấn)	NCCNDL 2006 (tấn)	NCCNDL 2030 (tấn)	Chỉ số 2006	Chỉ số 2030
Gallium	152 ⁽³⁾	28	603	0,18	3,97
Indium	581	234	1.911	0,40	3,29
Germanium	100	28	220	0,28	2,20
Neodymium ⁽⁴⁾	16.800	4.000	27.900	0,23	1,66
Platinum ⁽⁵⁾	255	rất ít	345	0	1,35
Tantalum	1.384	551	1.410	0,40	1,02
Bạc	19.051	5.342	15.823	0,28	0,83
Côban	62.279	12.820	26.860	0,21	0,43
Palladium ⁽⁵⁾	267	23	77	0,09	0,29
Titanium	7.211.000 ⁽¹⁾	15.397	58.148	0,08	0,29
Đồng	15.093.000	1.410.000	3.696.070	0,09	0,24
Ruthenium ⁽⁵⁾	29 ⁽²⁾	0	1	0	0,03
Niobium	44.531	288	1.410	0,01	0,03
Antimony	172.223	28	71	<0,01	<0,01
Crôm	19.825.713	11.250	41.900	<0,01	<0,01

Chú thích: NCCNDL = nhu cầu của các công nghệ đang lên.

- (1) Quặng tuyền (ore concentrates)
- (2) Tiêu thụ
- (3) Tổng sản lượng ước tính của Trung Quốc và Nga
- (4) Đất hiếm
- (5) Kim loại nhóm platin

Nguồn: European Commission (2010)

Qua đó có thể thấy vai trò và ảnh hưởng của Trung Quốc lớn như thế nào. Chỉ một thí dụ: tháng 4.2008, Trung Quốc đánh thuế xuất khẩu 70% lên phốt pho, rất độc hại nhưng thiết yếu để sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu và chế tạo cả bom. Một tuần sau khi thuế áp dụng, giá tăng vọt 25% khiến thị trường phân bón tại châu Âu bị tê liệt, nhu cầu giảm hẳn 75% từ tháng 11 trở đi. Tháng 6.2009, giá một tấn phốt phát amoni đã lui trở lại mức 330 USD sau khi vượt quá 1 200 USD cách đó một năm. Qua đó có thể thấy Trung Quốc có khả năng chi phối giá và gây dao động trên thị trường tới mức nào, chỉ bằng một biện pháp hành chính.

Trả lời chỉ trích, Trung Quốc biện minh: *“Chúng tôi chỉ rút ra bài học của chính phương Tây, hiểu rằng phải bảo vệ môi trường và sức khoẻ của nhân dân và người lao động. Tốn kém lắm, chúng tôi lại nghèo nên mới phải đánh thuế mấy mặt hàng đó để có tiền xây dựng một hệ thống sản xuất và chế biến vững bền, như Tây phương vẫn cố vũ đầy thôi.”* Georges Pichon, Tổng giám đốc công ty mậu dịch kim loại Pháp Marsmétal và chuyên gia về đất hiếm và kim loại, nói thẳng: *“Trung Quốc có đếm xỉa gì đâu đến sức khoẻ công nhân. Cho tất cả mọi nguyên liệu, họ chỉ có một chính sách. Đầu tiên là bóp chết cạnh tranh, sau đó áp đặt giá để rồi kiểm soát toàn bộ dây chuyền kỹ nghệ”. Ông cũng nói thêm: « Cách đây 20 năm, Trung Quốc không có công ty sản xuất magnesium lớn nào. Bây giờ không còn ai ngoài Trung Quốc. Tantalium, chẳng hạn, thiết yếu cho điện thoại di động, lúc đầu chỉ được chế biến ở Tây phương. Chỉ trong vòng 10 năm, Ningxia Orient Tantalum đã chiếm 20% thị trường. Trung Quốc áp dụng một chính sách cường quốc rất khôn ngoan để kiểm soát càng nhiều dây chuyền kỹ thuật càng tốt. »*

Chiến lược của Trung Quốc đã rõ. Cũng như đã rõ vai trò trung tâm của tài nguyên trong mọi nền kinh tế và trong hệ thống thương mại quốc tế. Trong năm 2008, tài nguyên chiếm 24% mậu dịch thế giới, so với 11,5% cách đây 10 năm. Không phải ngẫu nhiên mà WTO đã dành trọn bản báo cáo thường niên về thương mại thế giới (*World Trade Report*) năm 2010 cho chủ đề tài nguyên và cũng không ngẫu nhiên mà Tổng

giám đốc Pascal Lamy đã chọn Thượng Hải là nơi cùng lúc với Geneva phát hành trọng thể bản báo cáo, tháng 7.2010.

Để sự tranh giành tài nguyên không trở thành chiến tranh, những mâu thuẫn và tranh chấp đã và sẽ còn xảy ra nhiều trong tương lai phải được giải quyết trong khuôn khổ pháp lý quốc tế và hệ thống đa phương. Chỉ như thế mới ngăn được Trung Quốc dùng sức mạnh của mình để đè bẹp nước khác và đi xa hơn nữa trong chiến lược bá quyền của mình. Cũng chính vì để kiềm chế khả năng thao túng thị trường của các nước không chế nguồn cung ứng các tài nguyên trọng yếu, các nước thành viên WTO đã đặt thêm nhiều điều kiện gắt gao trong những vòng đàm phán gia nhập của Trung Quốc, Mông Cổ, Saudi Arabia, Ukraine và Nga, để ép họ phải tuân thủ những kỷ luật khắt khe hơn những qui định của các hiệp định WTO. Một trong những điều kiện “WTO-plus”, giới hạn “không gian chính sách” (*policy space*), của các nước này là không được hạn chế xuất khẩu.

Quỹ tài nguyên trên thế giới có hạn, ngay cả cho những thứ cho tới đây tưởng như vô tận như lâm sản và hải sản, đang cạn kiệt dần cho dầu hoả, trong khi nhu cầu tiêu thụ chỉ có thể tăng trong mọi nước. Chiến lược của Trung Quốc là mối đe dọa cho cả thế giới, phải được nhận thức và phản công trên bình diện thế giới.

14.8.2011

Tài liệu tham khảo

1. Cerna, Michael, *China's Growing Presence in Latin America: Implications for U.S. and Chinese Presence in the Region*, China Currents, vol.10, No.11, China Research Centre, 2011.
2. China Law Blog, *China's 12th Five Year Plan: A Preliminary Look*, 3.3.2011
3. http://www.chinalawblog.com/2011/03/chinas_12th_five_year_plan_a_preliminary_look.htm
4. Chinese Government Official Portal, *Full Text: China's Foreign Aid*, 2011.
5. http://english.gov.cn/official/2011-04/21/content_1849913_3.htm
6. Commission européenne (2011), *Relever les défis posés par les marchés des produits de base et les matières premières*, Bruxelles, 2.2.2011
7. Dhombres, Dominique, *Les entrepreneurs chinois en Afrique*, Le Monde, 8.1.2009

8. European Commission, *Critical raw materials for the EU – Report of the Ad-hoc Working Group on defining critical raw materials*, Brussels, June 2010
9. Friedberg, Aaron L., “Going Out”: *China's Pursuit of Natural Resources and Implications for the PRC's Grand Strategy*, NBR Analysis, Vol.17, No 3, The National Bureau of Asian Research, Seattle, 2006.
10. Hà Dương Tường, *Cuộc chiến giành đất hiếm*, Diễn Đàn, 7.11.2010, <http://www.diendan.org/the-gioi/111at-hiem/?searchterm=%C4%91%E1%BA%A5t%20hi%E1%BA%BFm>
11. Holslag, Jonathan; Geeraerts, Gustaaf; Gorus, Jan; & Smis, Stefaan, *Chinese Resources and Energy Policy in Sub-Saharan Africa – Report for the Development Committee of the European Parliament*, Brussels, 2007.
12. Karapinar, Baris, *Export restrictions on natural resources: policy options and opportunities for Africa*. World Trade Institute, University of Bern, Switzerland, 2011.
13. Lazarus, Kate; Kelley, Shawn & Rutherford, Jeff, *Rethinking Investments in Natural Resources: China's Emerging Role in the Mekong Region*, Heinrich Böll Stiftung Cambodia, WWF Denmark, International Institute for Sustainable Development, Canada, 2008.
14. http://www.boell.de/downloads/HBF_China_Study_Rethinking_Investments_Natural_Resources_2008%281%29.pdf
15. Lazarus, Kate, *In Search of Aluminium: China's Role in the Mekong Region*, Heinrich Böll Stiftung Cambodia, WWF Denmark, International Institute for Sustainable Development, Canada, 2009.
16. www.boell-cambodia.org/downloads/in_search_of_aluminum_RP.pdf
17. Meidan, Michal, *La Chine à la conquête des marchés énergétiques mondiaux*, Hérodote 2007/2, n° 125, tr. 77- 94.
18. Michel, Serge, *Chinois en Zambie: l'amitié entre les peuples, sauce aigre-douce*. Le Monde 2, 25.10.2008
19. Moran, Theodore H., *China's Strategy to Secure Natural Resources: Risks, Dangers, and Opportunities*, Peterson Institute for International Economics, Washington, 2010.
20. Naidu, Sanusha & Davies, Martyn, *China Fuels its Future with Africa Riches*, South African Journal of International Affairs, 2006.
21. Romero, Simon, *Tensions Over Chinese Mining Venture in Peru*, New York Times, 14.8.2010

22. Tạp chí Đầu tư Nước ngoài, *Hồ sơ: Công nghiệp khai khoáng tại Việt Nam*, 11.08.2010
23. http://dautunuocngoai.vn/Ho-so-Cong-nghiep-khai-khoang-tai-Viet-Nam-tc-298_0_412.html
24. Trinh, Tamara; Voss, Silja & Dynck, Steffen, *China's Commodity Hunger: Implications for Africa and Latin America*, Deutsche Bank Research, Frankfurt am Main. 2006.
25. U.S.Geological Survey, *Rare Earth Elements – Critical Resources for High Technology*, UGS Fact Sheet 087-02, 2002. <http://pubs.usgs.gov/fs/2002/fs087-02>
26. U.S.Geological Survey, *2009 Minerals Yearbook*, advance release July 2011, http://minerals.usgs.gov/minerals/pubs/commodity/rare_earths/myb1-2009-raree.pdf
27. World Trade Organization, *The Legal Texts – The Results of the Uruguay Round of Multilateral Trade Negotiations*, Cambridge University Press, 1995.
28. World Trade Organization, *Protocol of Accession of the People's Republic of China*, WT/L/432, 2001.
29. World Trade Organization, *Report of the Working Party on the Accession of China*, WT/ACC/CHN/49, 2001.
30. World Trade Organization, *World Trade Report 2010 – Trade in Natural resources*, 2010.
31. World Trade Organization, *Trade Policy Review - Report by the Secretariat - China – Revision*, WT/TPR/S/230/Rev.1, 2010.
32. World Trade Organization, *China - Measures related to the exportation of various raw materials, Reports of the Panel*, WT/DS394/R – WT/DS395/R – WT/DS399/R, 2011.
33. Và các bản tin của các báo và trang mạng AFP, Asia Times, Bauxite Việt Nam, bloomberg.com, Đầu tư Nước ngoài, Les Echos, Economist, El Financiero, Financial Times, Guardian, Inside U.S. Trade, International Herald Tribune, Japan Times, Le Monde, New York Times, Nikkei Weekly, Peru.com/noticias, Reuters, Le Temps, Tuần Việt Nam, Wall Street Journal, WTO Reporter, v.v.